



**TỔNG
CÔNG TY
PHÁT
ĐIỆN 3 -
CÔNG TY
CỔ PHẦN**

Digitally signed by TÔNG
CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 -
CÔNG TY CỔ PHẦN
DN:
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=MST:3502208399,
CN=TÔNG CÔNG TY
PHÁT ĐIỆN 3 - CÔNG TY
CỔ PHẦN, S=Hồ Chí
Minh, C=VN
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2022-04-20 17:18:23
Foxit Reader Version: 9.3.0



2021
VỮNG VÀNG & CHIA SẺ
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



EVNGENCO3

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 - CTCP

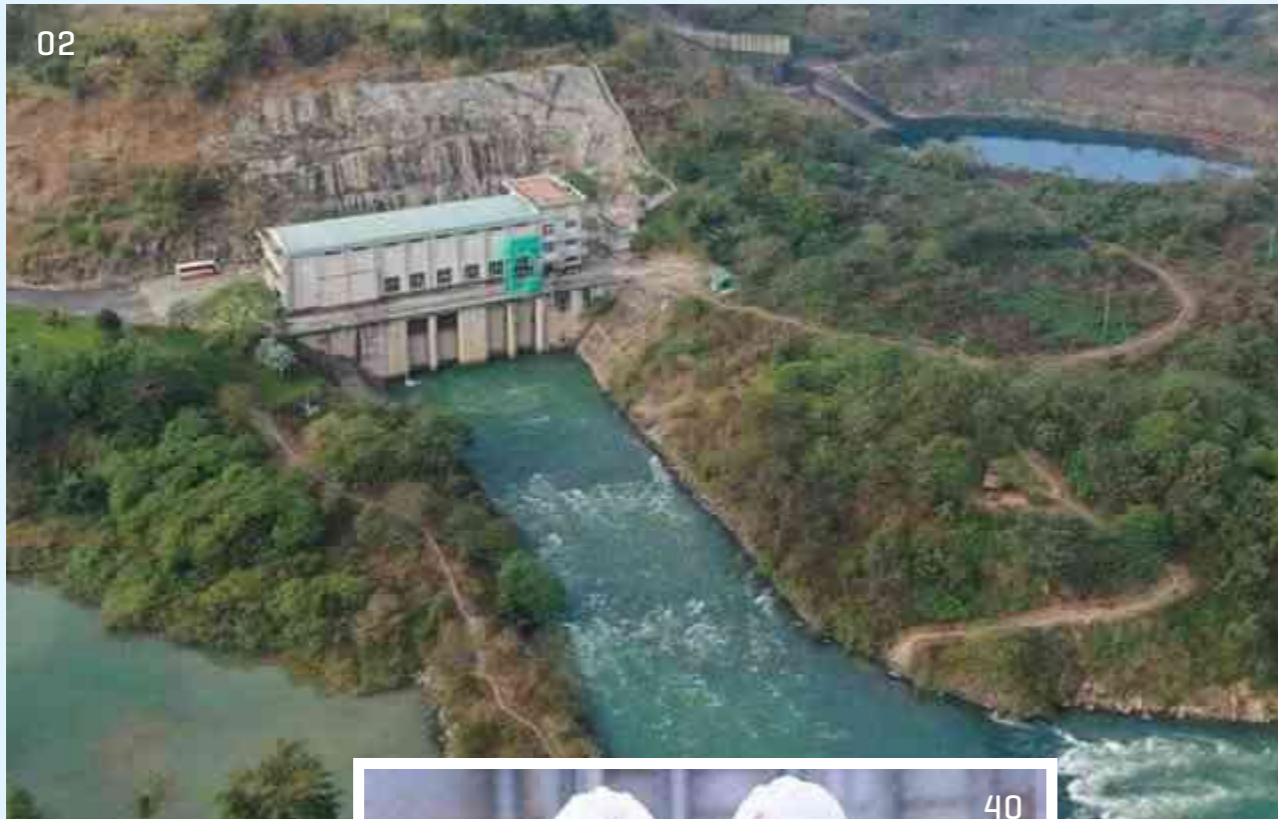
📍 | Số 60-66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, TP.Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam

☎ | (+84) 28 3636 7449

✉ | ir@genco3.evn.vn

🌐 | www.genco3.com

02



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
EVNGENCO3
2021



40



90



102



 **NỘI DUNG**

02

NỘI LỰC VỮNG VÀNG

- 04 Định nghĩa sự vững vàng
- 06 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
- 11 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 12 Về chúng tôi
- 14 Hành trình phát triển
- 16 Những con số nổi bật năm 2021
- 18 Thành tựu và đối tác

22

CHIA SẺ YÊU THƯƠNG

- 22 Người thấp đèn chia sẻ yêu thương
- 24 Dẫn truyền Oxy - Nối liền sự sống
- 26 Mầm xanh - Khởi nguồn tương lai bền vững

30

SỨC MẠNH BỀN VỮNG

- 30 Nhà máy điện - Trái tim PGV
- 32 Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- 34 Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
- 36 Công ty Nhiệt điện Mông Dương
- 37 Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
- 38 Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3
- 39 Các Ban Quản lý dự án
- 40 Các công ty con, liên doanh liên kết
- 42 **Con người - Hiệu suất và tư duy số**
- 44 Văn hóa tại PGV
- 48 Chuyển đổi số - Nâng tầm hiệu suất
- 50 Sơ đồ tổ chức
- 52 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 54 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 56 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 58 **Hệ thống Quản trị**
- 58 Mô hình Quản trị Tổng Công ty
- 64 Quản trị rủi ro

70

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

- 70 Tình hình kinh tế vĩ mô & ngành điện năm 2021
- 70 Tình hình vĩ mô Thế giới và Việt Nam
- 72 Thông tin ngành điện năm 2021
- 73 **Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021**
- 74 Công tác sản xuất điện
- 76 Công tác đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất
- 77 Đảm bảo công tác sửa chữa lớn
- 77 Công tác thị trường điện
- 77 Thực hiện tốt các chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật
- 78 Tình hình tài chính
- 80 Tình hình thực hiện các dự án, nghiên cứu đầu tư
- 82 Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
- 84 **Kế hoạch sản xuất kinh doanh & Đầu tư xây dựng năm 2022**
- 88 Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 89 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Tổng công ty

91

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 91 Mô hình quản trị bền vững
- 92 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường & xã hội (ESG)
 - Phát triển nhân sự bền vững
 - Môi trường và Xã hội

104

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 104 Thông tin về doanh nghiệp
- 106 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 108 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 110 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 111 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 113 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

86





ĐỊNH NGHĨA SỰ VỮNG VÀNG

VỮNG VÀNG VƯỢT SÓNG LỚN

Chúng tôi tin rằng, hoàn cảnh nào cũng có 2 mặt: rủi ro, cơ hội và những doanh nghiệp đã xây được nền tảng vững chắc, chiến lược rõ ràng, có khả năng thích nghi tốt sẽ có lợi thế khi những biến cố lớn xảy ra. Nhờ vậy, lợi nhuận hợp nhất năm 2021 của **EVNGENCO3** đạt **3.912 tỷ đồng**, hoàn thành **234,9%** kế hoạch, với tổng sản lượng điện là **29,61 tỷ kWh**.

EVNGENCO3 HIỆN LÀ NHÀ PHÁT ĐIỆN LỚN NHẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Năm 2021 đã khép lại với PGV bằng cột mốc giá trị vốn hoá thị trường trên 1 tỷ USD, trở thành doanh nghiệp có vốn hoá cao nhất ngành điện. Không những vậy, ngày 10/02/2022 mã chứng khoán PGV của Tổng Công ty Phát điện 3 chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, đánh dấu một bước chuyển mình sau thời gian 3 năm hiện diện trên sàn Upcom. Bước đi này sẽ giúp PGV từng bước được nâng tầm trong mắt của nhà đầu tư, và nâng cao vị thế của PGV trong tầm Quốc tế.



LỢI NHUẬN HỢP NHẤT
NĂM 2021 ĐẠT

234,9%

KẾ HOẠCH

TỔNG
CÔNG SUẤT

6.559 MW

THÔNG điệp CỦA
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**



① _ Chủ tịch HĐQT **Đình Quốc Lâm**
② _ Tổng Giám đốc **Lê Văn Danh**



**NỘI LỰC VỮNG VÀNG
CHIA SẺ YÊU THƯƠNG**

Kính gửi Quý đối tác, Quý cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên của Tổng Công ty Phát điện 3 – CTCP (PGV),

“Lời đầu tiên, chúng tôi xin gửi đến Quý đối tác, Quý cổ đông lòng tri ân sâu sắc vì niềm tin mà quý vị đã dành cho Tổng Công ty Phát điện 3 (PGV) trong suốt một năm đặc biệt vừa qua. Một năm mà tất cả chúng ta đều đã rất kiên cường và kỷ luật để vượt qua được đợt bùng phát dịch thứ 4 hết sức nghiêm trọng. Chúng tôi trân trọng niềm tin yêu của các nhà đầu tư khi nhìn nhận và lựa chọn PGV là cơ hội đầu tư của mình. Nhờ đó, tính đến cuối tháng 8/2021, PGV chính thức trở thành doanh nghiệp có vốn hóa trên 1 tỷ USD, lọt vào top 50 doanh nghiệp có vốn hoá cao nhất trên thị trường.

NĂM 2021 - THÁCH THỨC HAY CƠ HỘI?

Cơ hội chứng minh nội lực vững vàng: Kể từ ngày 23/01/2020, ngày Việt Nam phát hiện ra ca mắc Covid đầu tiên, cả nước đã trải qua + 19,200 giờ căng thẳng với biết bao nhiêu mất mát về sinh mạng lẫn kinh tế. Mức tăng trưởng GDP của cả nước đạt 2,58% cho năm 2021, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020. Tỷ lệ thất nghiệp Q3/2021 lên đến 3,89% cao nhất trong 10 năm qua. Các gói cứu trợ được nhà nước liên tục đưa ra để bình ổn đời sống nhân dân.



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

CƠ HỘI CHỨNG MINH NỘI LỰC VỮNG VÀNG



PGV không đứng ngoài cơn lốc ảnh hưởng đó, đặc biệt là đợt bùng dịch thứ 4 hết sức nghiêm trọng, xảy ra trên phạm vi rộng và kéo dài. Theo đó, phụ tải hệ thống điện giảm thấp ở cả 3 miền do giãn cách xã hội tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Theo số liệu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), mức tiêu thụ điện Quý 3/2021 cả nước giảm hơn 10,5% so với Quý 2/2021 và ít hơn 4% so với cùng kỳ 2020. Đặc biệt là các tỉnh miền Nam, mức tiêu thụ tại khu vực này bắt đầu giảm từ giữa tháng 7, thời điểm bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội tại 19 tỉnh, thành phố khu vực. Hệ quả là mức tiêu thụ Q3/2021 giảm 23,4% so với Q2/2021 và giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhưng chúng tôi tin rằng, hoàn cảnh nào cũng có 2 mặt: rủi ro và cơ hội, những doanh nghiệp đã xây được nền tảng vững chắc, chiến lược rõ ràng, có khả năng thích nghi tốt sẽ có lợi thế khi những biến cố lớn xảy ra. PGV sở hữu những phẩm chất đó. Nhờ vậy, lợi nhuận hợp nhất năm 2021 đạt 3.912 tỷ đồng, hoàn thành 234,9% kế hoạch với tổng sản lượng điện là 29,61 tỷ kWh, EVNGENCO3 hiện là nhà phát điện lớn nhất trên thị trường. Với sản lượng đó, chúng tôi đã đóng góp 11,53% vào tổng sản lượng trong lưới điện quốc gia.

Đặc biệt, lợi thế cạnh tranh đến từ con người PGV, cũng là điều chúng tôi tự hào nhất. Khi mà năng suất lao động của chúng tôi đạt 13,03 triệu kWh/người. Con số này luôn được chúng tôi cải thiện hàng năm để có thể tạo ra một doanh nghiệp hiệu quả cao, chi phí thấp.



11,53%

Đóng góp vào tổng sản lượng trong lưới điện quốc gia.



13,03

Năng suất lao động của chúng tôi (Triệu kWh / người)

CƠ HỘI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Cũng trong năm qua, Covid-19 khiến Cán bộ công nhân viên cũng như lãnh đạo PGV kích hoạt ngòi nổ chuyển đổi số nhanh hơn. Chúng tôi hiểu rằng, doanh nghiệp số không chỉ là quản trị số mà từng con người trong hệ thống đó phải tư duy số. Khi từng mắt xích đều là thể thống nhất việc chuyển đổi thành công và nhuần nhuyễn là một điều tất yếu.

Chính vì vậy, trong năm qua, công tác đào tạo của chúng tôi đã hoàn thành tập huấn cho 25.407/19.056 lượt CBCNV, đạt 133% so với KH (chưa bao gồm 31.623 lượt đào tạo qua E-learning). Trong đó có các khóa đào tạo công nghệ mới phục vụ công tác Chuyển đổi số như: AI, chatbot, voicebot, Blockchain, Big Data...



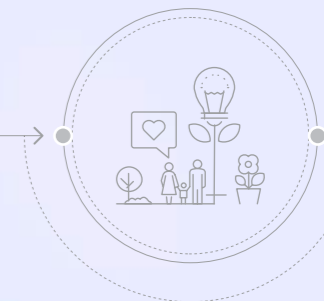
Một trong những thay đổi ấn tượng của Tổng Công ty là:

- Ứng dụng công nghệ Drone Inspection (thiết bị bay) vào công tác sửa chữa lò hơi các nhà máy nhiệt điện than



- Hệ thống văn phòng điện tử đã giúp công tác số hóa, quản lý văn bản dễ dàng. Việc ký văn bản bằng chữ ký số giúp cho công tác phát hành văn bản được thuận lợi và nhanh hơn, đặc biệt trong thời gian làm việc từ xa do dịch bệnh Covid-19.

CHIA SẺ YÊU THƯƠNG



Tách nhiệm với cộng đồng, xã hội luôn là yếu tố gắn kết chặt chẽ song hành với giá trị cốt lõi của PGV. Ngoài việc quan tâm đến cuộc sống của hàng trăm cán bộ, kỹ sư, công nhân của PGV, những người đã phải gác lại hạnh phúc riêng, chia xa gia đình nhiều tháng trời, cắm trại tập trung tại các nhà máy điện để đảm bảo người dân luôn có điện trong mùa dịch, chúng tôi còn đóng góp nhiều hoạt động khác cho xã hội:

- 1 Hỗ trợ chương trình lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống oxy dòng cao, khí nén và hệ thống hút chân không cho 378 giường của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TP.HCM, 504 giường của Bệnh viện hồi sức COVID-19 và 120 giường của Bệnh viện Hùng Vương.



- 2 Phối hợp và đồng hành với Ban Thường vụ Thành đoàn Thành phố Thủ Đức và Đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ra mắt Chương trình Cấp đổi bình Oxy miễn phí tại nhà trên địa bàn thành phố - ATM Oxy Thủ Đức.



- 3 Tham gia cùng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nhiệt đới TP.HCM, Công viên phần mềm Quang Trung và Hội tin học TP.HCM tổ chức triển khai ứng dụng di động "Truy tìm - không thất lạc người thân" danh sách người dân mất vì đại dịch Covid-19.





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

NĂM 2022 - NHỮNG THÁCH THỨC MỚI

“ Bước sang năm 2022, trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động đã khiến giá nhiên liệu dầu, than tăng cao đột biến so với cùng kỳ năm 2021 đã ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy vậy, chúng tôi vẫn đặt ra các mục tiêu cao để **EVNGENCO3** phấn đấu thực hiện:

Chúng tôi đặt mục tiêu phát triển toàn diện các khía cạnh sau:

- Tiếp tục triển khai các kế hoạch nhằm chủ động đảm bảo cung ứng nguồn nguyên, nhiên liệu (than, khí) đảm bảo hoạt động sản xuất của các nhà máy điện.
- Đẩy mạnh công tác sửa chữa bảo trì tập trung vào độ tin cậy (RCM) trong tình hình mới, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và vận hành tin cậy của các tổ máy.
- Sản lượng điện sản xuất Công ty mẹ Tổng Công ty đạt 27,429 tỷ kWh.
- Hoàn thành quyết toán cổ phần hoá và tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu, nâng cao năng lực tài chính của EVNGENCO3.
- Triển khai đầu tư, hợp tác đầu tư các nguồn điện năng lượng tái tạo như: Điện mặt trời, Điện gió, Thủy điện nhỏ. Kế hoạch đến năm 2025, Tổng công ty triển khai đầu tư khoảng hơn 100 MW thủy điện và 300 MW năng lượng tái tạo.
- Phối hợp với các đối tác triển khai đầu tư dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG nhập khẩu (sau khi được chọn làm Chủ đầu tư).
- Đồng thời, PGV tiếp tục tập trung nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số thông qua đào tạo và các cuộc thi nội bộ.

Năm 2022, với tầm vóc mới, PGV tiếp tục hướng tới một sự phát triển bền vững, không những mang đến lợi ích cho cổ đông, khách hàng, cán bộ công nhân viên trong tổ chức mà còn mang đến những giá trị cho từng người dân trong xã hội. Chúng tôi rất mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý đối tác, Quý cổ đông của Tổng công ty Phát Điện 3 - CTCP trên chặng đường phía trước.

Thay mặt cho Tổng Công ty, chúng tôi xin gửi lời tri ân chân thành và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Đinh Quốc Lâm
Chủ tịch HĐQT

Lê Văn Danh
Tổng Giám đốc



KIM CHỈ NAM DẪN LỐI TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LỐI

TẦM NHÌN



Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và Khu vực.

SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả - góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



GIÁ TRỊ CỐT LỐI

CHẤT LƯỢNG - TÍN NHIỆM



Nền tảng cho mọi hoạt động của tất cả các thành viên trong EVNGENCO3. EVNGENCO3 tin tưởng rằng bằng những cam kết nêu trên sẽ mang lại sự hài lòng và sự tín nhiệm của khách hàng và đối tác.

TẬN TÂM - TRÍ TUỆ



Đây là giá trị phong cách làm việc của EVNGENCO3 trong mọi hành động với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của cổ đông, đối tác và của NLD, NLD luôn vận dụng trí thức, trí tuệ để hành động với hiệu quả cao nhất. EVNGENCO3 mong muốn xây dựng hình ảnh bằng sự tận tâm và trí tuệ.

HỢP TÁC - CHIA SẺ



Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO3 mong muốn đạt được. EVNGENCO3 tin rằng bằng sự hợp tác một cách hài hòa, trung thực, công bằng, với ý thức sẵn sàng chia sẻ và gắn bó khăng khít giữa tất cả mọi thành viên, chúng ta mới có thể cùng nhau hành động, cùng nhau phát triển và cùng nhau tiến bộ, vì sự thành công của EVNGENCO3 của EVN và các đối tác của EVNGENCO3.

SÁNG TẠO - HIỆU QUẢ



Là đòn bẩy cho sự phát triển, vì vậy EVNGENCO3 luôn phấn đấu xây dựng một môi trường thuận lợi cho việc phát huy sức sáng tạo, làm chủ kỹ thuật công nghệ hiện đại, vận dụng những phương pháp quản lý tiến tiến, cùng với sức mạnh của sự đoàn kết toàn EVNGENCO3 sẽ mang hiệu quả cao nhất giúp EVNGENCO3 hoàn thành tốt Sứ mệnh và đạt được mục tiêu đề ra.

VỀ CHÚNG TÔI

THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH



Sản xuất và kinh doanh điện năng: Tổng công suất lắp đặt thuộc top 3 trong hệ thống điện Quốc gia.

EVNGENCO3 là nhà sản xuất điện quy mô lớn của Việt Nam với tổng công suất đến ngày 31/12/2021 xấp xỉ 6.559 MW với nhiều loại hình phát điện (Nhiệt điện khí, Nhiệt điện than, Thủy điện, Điện mặt trời).

Sản lượng điện bình quân hằng năm của hình Công ty mẹ giai đoạn 2016 -2021 giữ ổn định ở mức khoảng 31 tỷ kWh.

Khởi đầu từ cụm các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, EVNGENCO3 hôm nay đang vận hành các nhà máy điện công suất lớn khác trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, Mông Dương và cụm 03 nhà máy thủy điện công suất 586 MW khai thác dòng sông Sêrêpôk.

Cơ cấu nguồn điện EVNGENCO3: Nhiệt điện khí: 44,61% - 2.929 MW; Nhiệt điện than: 36,92% - 2.424MW; Thủy điện: 17,82% - 1.170MW; Điện mặt trời: 0,65% - 42,65 MWp.

QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng Công suất các dự án đã tư vấn quản lý

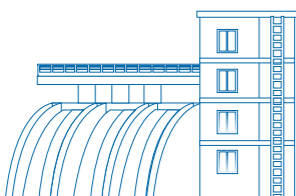
5.000

MW

EVNGENCO3 có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong công tác quản lý, đầu tư xây dựng các dự án nhà máy điện và Trung tâm Điện lực công suất lớn. Các dự án đưa vào vận hành thương mại trong giai đoạn 2013 -2021: Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Mông Dương 1, Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng, Thái Bình, Thủy điện Bản Chát, Cơ sở hạ tầng các Trung tâm Điện lực: Vĩnh Tân, Mông Dương, Thái Bình, Điện mặt trời Vĩnh Tân 2.

Bên cạnh nhiệm vụ chính là quản lý, đầu tư xây dựng, EVNGENCO3 còn triển khai công tác chuẩn bị sản xuất cho các dự án nguồn điện đảm bảo tiếp quản vận hành sau khi nhận bàn giao từ các nhà thầu EPC

Ngoài hiệu quả kinh tế, các dự án EVNGENCO3 quản lý phải đảm bảo về an sinh xã hội nhằm ổn định, giảm thiểu ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân địa phương, góp phần bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực.



DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN

Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao cho các Nhà máy điện. Bao gồm các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa cho các tổ máy tuabin khí, tuabin hơi, lò hơi, lò thu hồi nhiệt; máy phát điện và các thiết bị trong nhà máy nhiệt điện và các nhà máy công nghiệp

Ngoài ra còn cung cấp các dịch vụ: Đào tạo vận hành, sửa chữa nhà máy điện; Vận hành thuê nhà máy điện; Phục hồi, gia công chế tạo. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện.



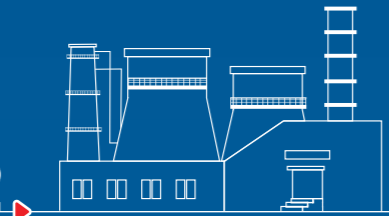
EVNGENCO3

Tên đầy đủ: Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
Tên tiếng Anh: Power Generation Joint Stock Corporation 3
Tên viết tắt: EVNGENCO3
Mã chứng khoán: PGV (Power Generation of VietNam)
Niem yết tại: HOSE
Giấy CNDKDN: Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 9 ngày 5/10/2021 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 11.234.680.460.000 đồng
Bằng chữ: Mười một nghìn hai trăm ba mươi bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng
Trụ sở chính: số 60 -66 Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3636 7449
Fax: (84.28) 3636 7450
Email: genco3@genco3.evn.vn
Website: http://www.genco3.com



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

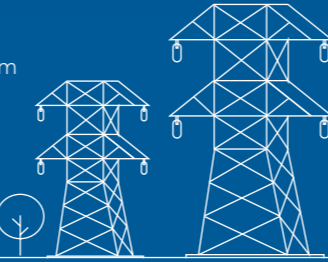
1996-2002



Khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 - Nhà máy đầu tiên trong cụm các nhà máy điện Phú Mỹ. Sau đó xây dựng các Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 MR, Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1 và Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 4.

2004

Hoàn thành vận hành thương mại toàn bộ cụm các nhà máy Phú Mỹ.



2007

Vận hành hệ thống nâng công suất Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR

2009-2010

Vận hành thương mại các nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpốk 3.

2012

Chính thức thành lập Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO3) theo Quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01/06/2012 của Bộ Công Thương. Tổng Công ty chính thức hoạt động từ 01/01/2013.

2015



Thành lập Công ty Nhiệt điện Mông Dương kiêm Ban QLDA Nhiệt điện 1; Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3.

2014

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP

2013

Thành lập Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân

2016

Thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ

2018

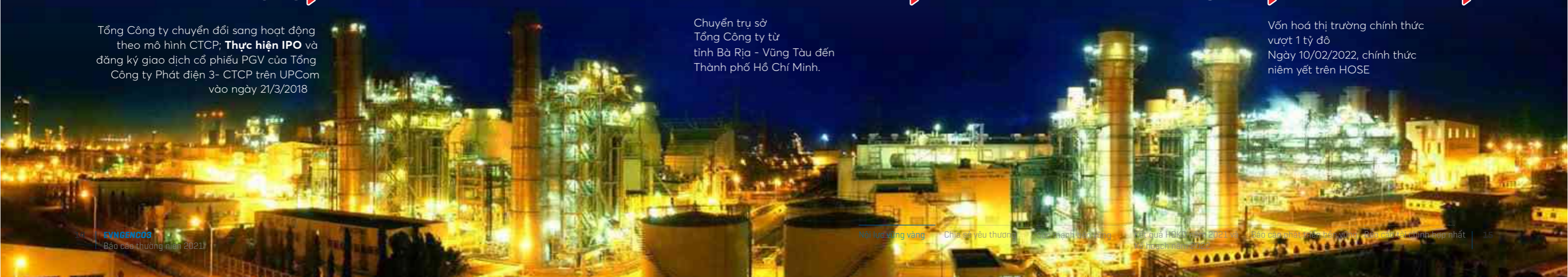
Tổng Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình CTCP; **Thực hiện IPO** và đăng ký giao dịch cổ phiếu PGV của Tổng Công ty Phát điện 3- CTCP trên UPCoM vào ngày 21/3/2018

2019

Chuyển trụ sở Tổng Công ty từ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến Thành phố Hồ Chí Minh.

2021

Vốn hoá thị trường chính thức vượt 1 tỷ đô Ngày 10/02/2022, chính thức niêm yết trên HOSE



NHỮNG CON SỐ
NỔI BẬT NĂM 2021

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT NĂM 2021

29,61 (TỶ KWH)

ĐÓNG GÓP **11,53%** TỔNG SẢN LƯỢNG
ĐIỆN QUỐC GIA



TỔNG TÀI SẢN
(TỶ ĐỒNG)

67.957



TỔNG DOANH THU
HỢP NHẤT
(TỶ ĐỒNG)

39.255



LỢI NHUẬN
TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT
(TỶ ĐỒNG)

3.912



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ ĐỒNG)

17.409



VỐN ĐIỀU LỆ
(TỶ ĐỒNG)

11.235



CHI TRẢ CỔ TỨC
NĂM 2020 (%)

10%



TỔNG SỐ NHÂN VIÊN
(NGƯỜI)

2.730



TÀI TRỢ
AN SINH XÃ HỘI
(TỶ ĐỒNG)

35



THÀNH TỰU

Cờ thi đua của **CHÍNH PHỦ**

VỀ VIỆC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC, DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA YẾU NƯỚC CỦA NGÀNH ĐIỆN LỰC VIỆT NAM HAI NĂM LIÊN TIẾP 2013-2014.

Cờ thi đua của **BỘ CÔNG THƯƠNG**

NĂM 2016 VỀ VIỆC HOÀN THÀNH XUẤT SẮC, TOÀN DIỆN NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2016.

Cờ thi đua của **TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

CHO THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2017 VÀ NĂM 2019

Cờ thi đua của **ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC** NĂM 2020

VÀ NHIỀU BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM TRAO CHO CÁC TẬP THỂ, CÁ NHÂN XUẤT SẮC VÌ ĐÃ CÓ NHIỀU CỐNG HIẾN CHO SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY NÓI RIÊNG VÀ NGÀNH ĐIỆN NÓI CHUNG.

Nhận bằng khen của **UBND TP.HCM** NĂM 2021

VÌ ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI TP.HCM



ĐỐI TÁC

EVNGENCO3 ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN HỢP TÁC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC NHẪM ĐẢO BẢO NGUỒN NHIÊN LIỆU, NÂNG CAO NĂNG LỰC SỬA CHỮA VÀ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN THEO NGUYÊN TẮC ĐÔI BÊN CÙNG CÓ LỢI.

ĐỐI TÁC HỢP TÁC SỬA CHỮA



ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN



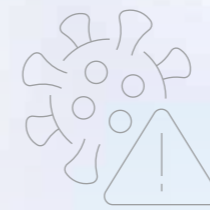
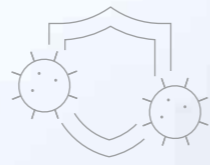
ĐỐI TÁC CUNG CẤP NHIÊN LIỆU



CHIA SẺ YÊU THƯƠNG

- 22 Người thấp đèn lan tỏa yêu thương
- 24 Dẫn truyền oxy - Nối liền sự sống
- 26 Mầm xanh - Khởi nguồn tương lai bền vững





NGƯỜI THẤP ĐÈN CHIA SẺ YÊU THƯƠNG

“ Trên “mặt trận” giữ nguồn điện ổn định trong bối cảnh dịch bệnh, hàng trăm cán bộ, kỹ sư, công nhân của **EVNGENCO3** đã phải ăn, nghỉ, làm việc tập trung tại nhà máy nhiều tháng trời. Họ đã cùng nhau gạt bỏ mọi nỗi niềm riêng, cùng chung niềm tin “dẫu có lúc khó khăn ngập tràn, vì dòng điện thân yêu ta phải luôn vững vàng...”.

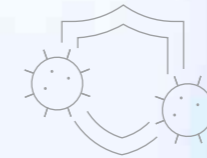
Các nhà máy điện của Tổng Công ty Phát điện 3 đều là những nhà máy có công suất lớn, chiếm sản lượng cao trong hệ thống điện quốc gia. Trong bối cảnh dịch bệnh covid -19 diễn biến hết sức phức tạp và lây lan nhanh, để đảm bảo nguồn điện không bị gián đoạn có thể làm ảnh hưởng đến công tác của các y bác sĩ tuyến đầu, các cán bộ công nhân viên của EVNGENCO3 đã âm thầm cố gắng, chiến đấu từng ngày đảm bảo nguồn điện được cung cấp đầy đủ không gián đoạn trên khắp mọi miền tổ quốc. Điều này dẫn đến nhiều nhà máy điện phải liên tục vận hành trong tình trạng huy động tối đa công suất.

Từ đầu tháng 5, ngay khi đợt dịch thứ 4 bùng phát, để giữ an toàn nguồn lực cho vận hành phát điện, công tác bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy, hàng trăm cán bộ, kỹ sư, công nhân ở các nhà máy điện thuộc EVNGENCO3 và Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 - EPS đã ăn, nghỉ, làm việc tập trung tại nhà máy trong nhiều tháng trời. Trong những tuần cao điểm, Công ty Dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 đã huy động gần 450 CBNV thuộc 7 phân xưởng sửa chữa vào làm việc tập trung, ăn ngủ sinh hoạt trong khuôn viên các nhà máy và khu quản lý vận hành sửa chữa tại các trung tâm điện lực Phú Mỹ, Vĩnh Tân, Mông Dương. Toàn Tổng Công ty có đến hơn 1.350 lượt người vào “cắm trại tập trung” tại nhà máy. Điều này giúp nhiều nhà máy điện vận hành thông suốt, đảm bảo huy động của Điều độ hệ thống điện Quốc gia trong tình trạng dịch bệnh bủa vây.

Cùng với những ngành trọng điểm khác của đất nước, CBNV EVNGENCO3 luôn trong tâm thế sẵn sàng đáp ứng mọi tình huống phát sinh. Mỗi cá nhân như một chiến binh, mỗi nhà máy như một pháo đài, và cùng nhau EVNGENCO3 đã góp phần thấp nên dòng điện, chia sẻ yêu thương từ những nhà máy có công suất lớn, chiếm sản lượng cao trong hệ thống điện Quốc gia của mình.

DẪN TRUYỀN OXY NỐI LIỀN SỰ SỐNG

“ Trong thời điểm dịch COVID-19 tại TP.HCM đang ở đỉnh điểm với hàng ngàn ca nhiễm và hàng trăm người chết mỗi ngày, **EVNGENCO3** đã hỗ trợ lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống OXY dòng cao, khí nén và hệ thống hút chân không cho các bệnh viện tuyến đầu. Không những vậy, **EVNGENCO3** còn đồng hành cùng đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP.HCM và Thành đoàn TP. Thủ Đức tổ chức chương trình “ATM Oxy Thủ Đức miễn phí”.



490

Lượt bình oxy miễn phí



180

Ca được hỗ trợ cấp cứu



Với sự tham gia của cán bộ công đoàn, đoàn viên của EVNGENCO3 và các tình nguyện viên. Sau gần 3 tháng hoạt động, chương trình “ATM Oxy Thủ Đức miễn phí” đã kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ hơn 490 lượt bình oxy miễn phí, hỗ trợ cấp cứu được hơn 180 ca, bệnh nhân trong tình trạng nguy kịch, khó thở, cần khí oxy khẩn cấp trên địa bàn TP. Thủ Đức và một số quận, huyện tại TP.HCM.

Phát biểu tại lễ tổng kết, ông Võ Văn Yên - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối Bộ Công Thương tại TP.HCM đã biểu dương những nỗ lực của các cán bộ công đoàn, đoàn viên thanh niên EVNGENCO3 và các tình nguyện viên đã không ngại nguy hiểm giúp các bệnh nhân COVID-19 được tiếp cận với nguồn oxy trong thời điểm khó khăn nhất của dịch bệnh.

Thành đoàn TP. Thủ Đức đã khen thưởng 17 tình nguyện viên tích cực tham gia cấp cứu oxy miễn phí trong chương trình. Bên cạnh đó, thay mặt Thành đoàn TP.HCM, Bí thư Đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP.HCM đã trao tặng 25 giấy chứng nhận và 09 huy hiệu tình nguyện viên phòng, chống dịch COVID-19 cho các tình nguyện viên, đoàn viên thanh niên trong Khối và của Tổng Công ty Phát điện 3.

LẮP ĐẶT VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG HỆ THỐNG OXY DÒNG CAO, KHÍ NÉN VÀ HỆ THỐNG HÚT CHÂN KHÔNG CHO CÁC GIƯỜNG BỆNH VIỆN TUYẾN ĐẦU.

Tổng Công ty là đơn vị hỗ trợ chính cho chương trình lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống oxy dòng cao, khí nén và hệ thống hút chân không cho 378 giường của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TP.HCM, 504 giường của Bệnh viện hồi sức COVID-19 và 120 giường của Bệnh viện Hùng Vương. Tổng chi phí đóng góp cho 3 công trình là hơn 5 tỷ đồng.

Đặc biệt, ngoài sự chung tay của đơn vị tài trợ, nhà thầu, đơn vị thi công, còn có sự tham gia hỗ trợ tích cực, tham gia trực tiếp lắp đặt của lực lượng kỹ thuật Công ty EPS thuộc EVNGENCO3.



MẦM XANH

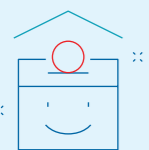
KHỞI NGUỒN TƯƠNG LAI BỀN VỮNG

Trong làn sóng dịch covid, Tổng Công ty Phát điện 3 luôn đồng hành, chung tay, hỗ trợ tuyến đầu chống dịch, cơ sở y tế bằng hàng loạt các chương trình: Trao tặng nhu yếu phẩm, vật dụng y tế, hỗ trợ tuyến đầu chống dịch, cơ sở y tế, Ban chỉ đạo, đội xung kích phòng chống dịch, ủng hộ quỹ vaccine, hiến máu nhân đạo; chia sẻ, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Tổng kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ, đóng góp phòng chống dịch trước làn sóng Covid-19 lần 4 gần 31,1 tỷ đồng.



HỖ TRỢ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID LẦN 4 (TỶ ĐỒNG)

31,1



CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN TẶNG 200 PHẦN QUÀ CHO CÁC HỘ DÂN TẠI VÙNG ĐỎ HUYỆN TUY PHONG

Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân đã trao tặng 200 suất quà là các nhu yếu phẩm cần thiết trong sinh hoạt, mỗi phần trị giá 200 ngàn đồng cho bà con gặp khó khăn trong vùng bị phong tỏa trong làn sóng dịch covid lần thứ 4 tại xã Phước Thế, địa phương thuộc "vùng đỏ" của huyện Tuy Phong. Riêng trong năm 2021, Công ty đã đóng góp ủng hộ, hỗ trợ các hoạt động phòng chống dịch của địa phương với tổng số tiền hơn 600 triệu đồng.

KÝ KẾT TÀI TRỢ CHO 98 HỌC SINH CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN, MẤT CHA MẸ DO DỊCH COVID-19

Chiều ngày 10/11/2021, Đảng ủy Khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP.HCM (Đảng ủy Khối) và Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM tổ chức lễ ký kết văn bản phối hợp tài trợ chương trình "Học đường niềm tin", chăm lo cho các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mất cha mẹ do dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn Thành phố. Chương trình do Đảng ủy Khối chủ trì vận động với sự đồng hành của Tổng Công ty Phát điện 3 và các đơn vị trong Khối như Tổng Công ty Điện lực miền Nam – EVNSPC, Công ty Xăng dầu Khu vực II – Petrolimex Saigon.

Theo đó, các em học sinh sẽ được hỗ trợ mỗi tháng 02 triệu đồng (bắt đầu tính từ tháng 10/2021) cho đến khi hoàn thành chương trình học lớp 12 (07 năm). Dự kiến tổng kinh phí tài trợ cho chương trình khoảng 13 tỷ đồng, trong đó riêng EVNGENCO3 tham gia đóng góp khoảng 6 tỷ đồng.



SỨC MẠNH BỀN VỮNG.

30 Nhà máy điện - Trái tim PGV

- 32 Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ
- 34 Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân
- 36 Công ty Nhiệt điện Mông Dương
- 37 Công ty Thủy điện Buôn Kuốp
- 38 Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3
- 39 Các Ban Quản lý dự án
- 40 Các công ty con, liên doanh liên kết

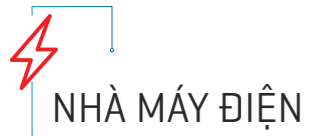
42 Con người - hiệu suất và tư duy số

- 44 Văn hóa tại PGV
- 48 Chuyển đổi số - Nâng tầm hiệu suất
- 50 Sơ đồ tổ chức
- 52 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 54 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc

58 Hệ thống Quản trị

- 58 Mô hình Quản trị Tổng Công ty
- 64 Quản trị rủi ro





NHÀ MÁY ĐIỆN

TRÁI TIM PGV



KHỞI ĐẦU TỪ CỤM NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN KHÍ PHÚ MỸ, SAU HƠN 20 NĂM PHÁT TRIỂN, EVNGENCO3 CHỦ ĐỘNG MỞ RỘNG VÀ ĐA DẠNG HÓA NGUỒN NĂNG LƯỢNG, CUNG CẤP 11,53% SẢN LƯỢNG ĐIỆN TOÀN QUỐC KHÔNG CHỈ ĐẢM BẢO SỰ MỆNH VỀ AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA MÀ CÒN GÓP PHẦN THÚC ĐẨY KINH TẾ PHÁT TRIỂN.

Các nhà máy điện đang ngày đêm vận hành, chuyển hóa các nguồn năng lượng khác nhau thành điện năng phục vụ cho nhu cầu sản xuất sinh hoạt của người dân trên khắp mọi miền đất nước. Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP với định hướng phát triển trở thành doanh nghiệp sản xuất điện từ các nguồn năng lượng sạch, đa dạng góp phần đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia. Các nhà máy điện là tài sản mà chúng tôi đã tạo nên bằng nỗ lực, kỹ thuật chuyên môn cao của đội ngũ nhân sự của EVNGENCO3. Các nhà máy điện với công nghệ hiện đại, tiên tiến đảm bảo hiệu suất hoạt động cũng như đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh. EVNGENCO3 hiện tại có 04 công ty phát điện trực thuộc, 02 công ty con và 03 công ty liên kết (có cử NDD)

VỚI TỔNG CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT (MW)

chiếm khoảng 8,96% công suất đặt toàn hệ thống điện

6.559

Trong đó:

1. Nhiệt điện tuabin khí: 2.929 MW, chiếm khoảng 44,61%
2. Nhiệt điện than: 2.424 MW, chiếm khoảng 36,92%
3. Thủy điện: 1.170 MW, chiếm khoảng 17,82%
4. Điện mặt trời: 43 MWp, chiếm khoảng 0,65%

1

Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ

2.540 MW
Tổng công suất

2

Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân

1.279 MW
Tổng công suất

3

Công ty Nhiệt điện Mông Dương

1.080 MW
Tổng công suất

4

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp

586 MW
Tổng công suất



NHÀ MÁY ĐIỆN TRÁI TIM PGV

1

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ



Tổng công suất
(MW)

2.540

(Bao gồm hệ thống nâng công suất các tổ máy)

Địa chỉ: Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đang quản lý và vận hành 4 nhà máy nhiệt điện được xây dựng và đưa vào vận hành chính thức từ năm 1998 - 2004 tại Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các nhà máy sử dụng công nghệ Tuabin khí chu trình hỗn hợp công nghệ hiện đại, nhiên liệu sử dụng chính là nguồn khí tự nhiên từ các mỏ Nam Côn Sơn, Hải Thạch - Mộc Tinh, Thiên Ưng - Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyện.

Với tổng công suất 2.540 MW, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp 44,61% vào quy mô công suất của Tổng Công ty. Đặc biệt tính đến cuối năm 2021 tổng sản lượng điện Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ là đơn vị đầu tiên ở Việt Nam phát lên hệ thống điện Quốc gia đạt 300 tỷ kWh.

Cụ thể các nhà máy điện thuộc Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ bao gồm:

1. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 1

Tổng Công suất
(MW)

1.090

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên nhiên.

Là nhà máy có công suất lớn nhất trong các nhà máy điện của Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ với công suất 1.090 MW, được đưa vào vận hành thương mại năm 2002. Sử dụng công nghệ và thiết bị của Mitsubishi Heavy Industries Group (Nhật Bản) cấu hình 3 -3 -1, Tuabin khí loại M701F.



2. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1

Tổng Công suất
(MW)

478

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) nay là GE, cấu hình 2-2-1, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1997 và chu trình hỗn hợp vào năm 2003 với công suất lắp đặt 450 MW, đến năm 2016, Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW. Và đây cũng là nhà máy đầu tiên của Công ty Nhiệt Điện Phú Mỹ dự kiến hết khấu hao vào năm 2023.

3. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 2.1 (Mở rộng)

Tổng Công suất
(MW)

440

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Siemen (Đức) cấu hình 2-2-1, Tuabin khí loại V94.2, được đưa vào vận hành thương mại chu trình đơn vào năm 1999 và chu trình hỗn hợp vào năm 2006 với công suất lắp đặt 440 MW.

4. NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN PHÚ MỸ 4

Tổng Công suất
(MW)

478

Nhiên liệu sử dụng: Khí thiên nhiên.

Sử dụng công nghệ và thiết bị của Alstom (Thụy Sĩ) Nay là GE, cấu hình 2-2-1, hoàn tất đưa vào vận hành thương mại năm 2004 với công suất lắp đặt 450 MW, đến năm 2015 Tuabin khí đã được nâng cấp lên loại GT13E2 MXL2, nâng tổng công suất nhà máy lên 478 MW.



NHÀ MÁY ĐIỆN TRÁI TIM PGV

1

2

3

4

5

CHI NHÁNH EVNGENCO 3

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

Tổng công suất
(MW)

1.279

Địa chỉ: Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động: Quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2 với tổng công suất 1.279 MW trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, tỉnh Bình Thuận.



1.

NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

Tổng Công suất
(MW)

2x622

Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 được hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại từ đầu năm 2015 với tổng công suất lắp đặt 2x622 MW. Nhà máy sử dụng nguyên liệu chính là than cám 6a.1 trong nước và than nhập khẩu. Tính đến năm 2021, NMNĐ Vĩnh Tân 2 đã phát lên hệ thống điện Quốc gia hơn 40 tỷ KWh.



Hoạt động quản lý môi trường tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 đặc biệt được Tổng Công ty chú trọng. Công tác quản lý và xử lý tro, xỉ được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ các nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn. Hoàn thành lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường online, camera giám sát và truyền dữ liệu về Sở TN&MT địa phương. CTNĐ Vĩnh Tân tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đề án để tiêu thụ tro xỉ thông qua các giải pháp căn cơ.

2.

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH TÂN 2

Tổng Công suất
(MWp)

42,65



Nhà máy ĐMT Vĩnh Tân 2 công suất lắp đặt 42,65 MWp được vận hành thương mại cuối tháng 6 năm 2019, đến nay đã phát lên lưới 81,97 triệu kWh góp phần đa dạng hóa loại hình phát điện của Tổng Công ty và tạo ra một hệ thống nguồn bổ sung và hỗ trợ nhau.



NHÀ MÁY ĐIỆN TRÁI TIM PGV

1

2

3

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG

4

5

Địa chỉ: Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.



Tổng công suất
(MW)

1.080

Hoạt động: Công ty Nhiệt điện Mông Dương thành lập năm 2015 quản lý và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 với tổng công suất 1.080 MW trong Trung tâm Điện lực Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh. Nguồn nhiên liệu Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 sử dụng là than cám 6a.1 và than nhập khẩu. Với vị trí địa lý ở khu vực miền Bắc Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng khu vực Bắc bộ.

Hoạt động quản lý môi trường tại CTND Mông Dương được chú trọng, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật. Năm 2021, cùng với các NMND Vĩnh Tân 2, NMND Mông Dương 1, và NMND Ninh Bình đã vận hành hệ thống bảng điện tử hiển thị số liệu quan trắc môi trường online để công khai, minh bạch hóa thông tin về công tác quản lý môi trường đến cộng đồng; đã được cấp giấy chứng nhận HTQL môi trường phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015. Tính trong năm 2021, lượng tro xỉ tiêu thụ tại Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1 là 1.397.946 tấn đạt 100%.



1

2

3

4

5

CÔNG TY THỦY ĐIỆN BUỒN KUỐP



Tổng công suất
(MW)

586

Cụm Nhà máy Thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp có công suất thuộc top 3 tổng công suất lắp đặt lớn nhất tại khu vực Miền Trung, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng điện ở khu vực miền Trung Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Bộ. Đồng thời các Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp còn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động điều tiết lũ, hạn hán cho khu vực hạ lưu lưu vực sông Srêpôk.

Địa chỉ: Số 22 đường Mai Xuân Thưởng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Hoạt động: Quản lý và vận hành 03 nhà máy Thủy điện với tổng công suất 586 MW trên lưu vực sông Srêpôk, khu vực Tây Nguyên.

CHI NHÁNH EVNGENCO3



1.

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUỒN KUỐP

Tổng công suất
(MW)

2x140

Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp vận hành thương mại năm 2009 với 2x140 MW.



2.

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BUỒN TUA SRAH

Tổng công suất
(MW)

2x43

Nhà máy Thủy điện Buôn Tua Srah vận hành thương mại năm 2010 với công suất 2x43 MW.



3.

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SRÊPÔK 3

Tổng công suất
(MW)

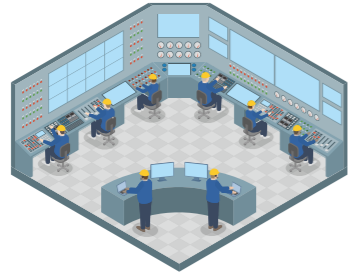
2x110

Nhà máy Thủy điện Srepok 3 vận hành thương mại năm 2010 với 2x110 MW.



NHÀ MÁY ĐIỆN TRÁI TIM PGV

1
2
3
4



5

CÔNG TY DỊCH VỤ SỬA CHỮA CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN EVNGENCO3

Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3 (EPS) với hơn 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vận hành, sửa chữa các nhà máy điện (chạy khí, than và thủy điện), chức năng chính là cung cấp dịch vụ vận hành, sửa chữa chuyên nghiệp cho các nhà máy điện và các nhà máy công nghiệp khác.

“ Đối với các doanh nghiệp sản xuất và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa lớn là một trong những chi phí lớn nhất của các nhà máy. Việc sở hữu một đơn vị sửa chữa trực thuộc Tổng Công ty, chúng tôi có lợi thế lớn trong việc sắp xếp các dịch vụ sửa chữa, tiết giảm chi phí, đồng thời nhanh chóng áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào công tác sửa chữa lớn đối với các nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty.

EPS cung cấp các dịch vụ:

1. Cung cấp các gói dịch vụ sửa chữa chất lượng cao Nhà máy điện: Bảo trì tuabin khí, tuabin hơi - Nhà máy nhiệt điện; Bảo dưỡng, sửa chữa lò hơi, lò thu hồi nhiệt (HRSG); Sửa chữa lớn máy phát điện.
2. Đào tạo vận hành, sửa chữa, dịch vụ vận hành thuê nhà máy điện.
3. Phục hồi vật tư thay thế, gia công chế tạo.
4. Tư vấn, thiết kế, lắp đặt các công trình điện và công nghiệp: nhà máy điện, trạm điện
5. Các dịch vụ khác



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. **BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN - BAN AVT**
Địa chỉ: Đại lộ Hùng Vương, khu phố 5, Phường Phú Thủy, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
Hoạt động: Hiện nay Ban AVT đang thực hiện quyết toán các dự án trong Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân.
2. **BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN 1 - BAN ANĐ1**
Địa chỉ: Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh .
Hoạt động: Ban ANĐ1 đã thực hiện quyết toán dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1.
3. **BAN QLDA NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH - BAN ATB**
Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình
Hoạt động: Hiện nay Ban ATB đang thực hiện quyết toán dự án NMNĐ Thái Bình

CÁC CÔNG TY CON CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA (BTP)



Tỷ lệ sở hữu **79,56%**

Công suất (MW) **389**

Nhiên liệu sử dụng:
Khí thiên nhiên

Địa chỉ:
Khu phố Hương Giang,
Phường Long Hương,
Thành phố Bà Rịa,
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH (NBP)



Tỷ lệ sở hữu **54,76%**

Công suất (MW) **100**

Nhiên liệu sử dụng:
Than cám trong nước
và than nhập khẩu

Địa chỉ:
Số 1 đường Hoàng Diệu,
Phường Thanh Bình, TP. Ninh Bình

CÔNG TY LIÊN DOANH, GÓP VỐN, LIÊN KẾT.

1.

CTCP TĐ THÁC BÀ

Công suất : 120 MW
Tỷ lệ vốn góp : 30,00%
Có cử người đại diện phần vốn của EVNGENCO3



2.

CTCP TĐ VĨNH SƠN - SÔNG HINH

Công suất : 356 MW
Tỷ lệ vốn góp : 30,55%
Có cử người đại diện phần vốn của EVNGENCO3



3.

CTCP ĐT & PT ĐIỆN SÊ SAN 3A

Công suất : 108 MW
Tỷ lệ vốn góp : 30,00%
Có cử người đại diện phần vốn của EVNGENCO3



4.

CTCP ĐL DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Công suất : 750 MW
Tỷ lệ vốn góp : 2,47%



5.

CTCP ĐIỆN VIỆT - LÀO

Công suất : 651 MW
Tỷ lệ vốn góp : 0,48%



6.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NĂNG LƯỢNG GE - PMTP

Tỷ lệ vốn góp : 15,00%
Có cử người đại diện phần vốn của EVNGENCO3





CON NGƯỜI HIỆU SUẤT & TƯ DUY SỐ

VAI TRÒ CỦA NGUỒN NHÂN LỰC TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI EVNGENCO3

“Công cuộc chuyển đổi số đã lan tỏa và phủ sóng rộng khắp các lĩnh vực, các ngành nghề với tốc độ nhanh chóng và vô cùng mạnh mẽ. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), các đơn vị trong EVN nói chung và **EVNGENCO3** nói riêng đã và đang trên đường đua để về đích sớm hơn thời gian theo kế hoạch theo định hướng từ Chính phủ, lãnh đạo ngành.”

NHÂN LỰC HAY CÔNG NGHỆ?

“Để chuyển đổi số thành công, bên cạnh việc phát triển về công nghệ, thiết bị, Tổng Công ty Phát điện 3 đã chỉ đạo quyết liệt việc đào tạo và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết trong tương lai cho CBNV để thích ứng và làm chủ công nghệ. Đồng thời, việc kiểm soát khối lượng & chất lượng công việc thông qua các Workflow

- Đào tạo và trang bị cho người lao động các kỹ năng cần thiết, năng lực sáng tạo và khả năng thích ứng nhanh với môi trường công nghệ thay đổi liên tục;
- Thay đổi tư duy, văn hóa để tập thể người lao động đồng lòng, cùng tham gia và quyết tâm cùng hướng đến mục tiêu chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, tự mỗi người lao động trong EVNGENCO3 và các đơn vị phải nắm rõ mục tiêu và ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số, những công việc, nhiệm vụ chuyển đổi số trong từng lĩnh vực phụ trách. Đây là những điều hết sức quan trọng và xác định nguồn lực là “chìa khóa” thành công của công cuộc chuyển đổi số của EVNGENCO3.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO - NHÂN SỰ



Con người là yếu tố phát triển bền vững lâu dài của mọi doanh nghiệp. Cách tư duy mới của NLD là cơ sở để phát huy tính sáng tạo trong công việc và tạo ra giá trị bền vững - điều kiện quyết định để Tổng Công ty đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh.

Với mục tiêu sử dụng tối đa chất lượng nguồn nhân lực hiện có thông qua hoạt động đào tạo, Tổng Công ty cung cấp các chương trình nâng cao năng lực bám sát theo lộ trình và định hướng nghề nghiệp của từng nhân viên, đảm bảo tất cả NLD được cung cấp đầy đủ các kỹ năng, kiến thức chuyên môn cần thiết để luôn sẵn sàng thích ứng với yêu cầu công việc tại Tổng Công ty.

Trong năm 2021 với bối cảnh khó khăn từ dịch bệnh Covid-19, đã thực hiện đào tạo hơn 25.000 lượt, đạt 133% so với KH, trong đó chú trọng đào tạo công nghệ mới phục vụ công tác Chuyển đổi số như: AI, chatbot, voicebot, Blockchain, Big Data,... hoàn thành chương trình đào tạo điều phối viên RCM (RCM2 Facilitator) cho các đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty trên phần mềm chuyên dùng REW. Qua đó, các học viên đã có thêm kiến thức chuyên sâu và kinh nghiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện RCM và được cấp chứng chỉ điều phối viên nội bộ về RCM (RCM2 Facilitator). Triển khai chương trình Tổ chức học tập, đào tạo về quản trị theo chuẩn mực OECD và các chương trình đào tạo trang bị kiến thức chuyên sâu, nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho đội ngũ CBQL, đặc biệt đẩy mạnh đào tạo qua hệ thống E-learning với hơn 58.000 lượt - đáp ứng kịp thời công tác phát triển nguồn lực trong tình hình Covid-19.

VĂN HÓA TẠI P&GV

NGUYÊN TẮC ỨNG XỬ

- Luôn chân thành, hợp tác khi giải quyết công việc; luôn thực hiện đúng đạo đức nghề nghiệp; Không phân biệt giới tính, tuổi tác, tính cách.
- Luôn chủ động sáng tạo trong công việc; không ngừng học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu, trau dồi kiến thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Hợp tác chia sẻ, đoàn kết, quan tâm, giúp đỡ đồng nghiệp cùng nhau phát triển
- Trao đổi công việc trên tinh thần thẳng thắn, cầu thị và cảm thông, chia sẻ thông tin, sẵn sàng cộng tác, cởi mở với những đóng góp của đồng nghiệp
- Nghiên túc tuân thủ pháp luật, nội quy, các quy chế quản lý nội bộ, các quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn theo quy định.
- Đánh giá đúng, công bằng, công khai năng lực của mỗi cá nhân, khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất để mỗi CBCNV phát triển tối đa năng lực.



CON NGƯỜI

HIỆU SUẤT & TƯ DUY SỐ








Trong năm 2022 kế hoạch đào tạo của Tổng Công Ty là

12.550

lượt NLD (chưa gồm E-learning) với chi phí KH là khoảng 58,4 tỷ đồng, trong đó chi phí đào tạo nước ngoài chiếm khoảng 60%. Tập trung triển khai các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD

TRONG NĂM 2022 KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỦA CHÚNG TÔI TẬP TRUNG VÀO

-  Chuẩn hóa tài liệu đào tạo và tăng cường đào tạo nội bộ, tập trung triển khai các nội dung đào tạo gắn với nhiệm vụ SXKD, theo mô hình Tổ chức học hỏi.
-  Đẩy mạnh đào tạo kỹ thuật chuyên sâu theo định hướng phát triển chuyên gia. Đào tạo kiến thức chuyên môn, kỹ thuật về khí LNG, chuyên gia tháo lắp cân chỉnh máy phát, chuyên gia sửa chữa tuabin hơi, O&M, hệ thống DCS, bảo dưỡng sửa chữa điện gió, công nghệ mô phỏng CFD...
-  Triển khai các khóa đào tạo phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, theo chương trình Tổ chức học tập đã được phê duyệt và tập trung đào tạo đảm bảo nguồn lực phục vụ chương trình chuyển đổi số theo Chủ đề năm 2022.
-  Đẩy mạnh hoạt động đào tạo qua hệ thống E - Learning
-  Đào tạo, bồi dưỡng các nhân sự trong diện quy hoạch diện Tổng Công ty/đơn vị quản lý. Xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực, chuyên nghiệp, tập trung đào tạo đảm bảo nguồn lực phục vụ chương trình chuyển đổi số.

CÁC HOẠT ĐỘNG NHÂN SỰ CHÚNG TÔI



1.

Hỗ trợ sự phát triển của nhân viên bằng cách xây dựng các kỹ năng và kiến thức, chuyên môn, năng lực hỗ trợ nhu cầu và chiến lược phát triển dài hạn của Tổng Công ty.



2.

Trao cơ hội làm việc, quản lý, lộ trình thăng tiến rõ ràng cho mỗi cá nhân có thành tích đóng góp nổi bật.



3.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện thông qua văn hóa doanh nghiệp, tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp và ổn định đời sống của người lao động.

4.

Triển khai thực hiện thí điểm chính sách làm việc linh hoạt tại Cơ quan Tổng Công ty và một số đơn vị (theo chương trình hành động cấp Chứng chỉ Bình đẳng giới toàn cầu EDGE)









CHUYỂN ĐỔI SỐ

NÂNG TẦM HIỆU SUẤT

Năm 2021, trong công cuộc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, Tổng Công ty đã xây dựng và ban hành được các hướng dẫn, quy định, chính sách, kế hoạch chương trình chuyển đổi số như:

- HĐQT Tổng Công ty đã Ban hành Nghị Quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 5/4/2021 thông qua kế hoạch chuyển đổi số của Tổng Công ty.
- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số theo Quyết định số 23/QĐ-GENCO3 ngày 7/4/2021.
- Tổng Công ty đã có văn bản số 1126/GENCO3-KD-TTĐ ngày 20/4/2021 về việc giao nhiệm vụ về chuyển đổi số cho các đơn vị thành viên.
- Thành lập Tổ công tác chuyển đổi số - Chuyên đề nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của Tổng Công ty tại Quyết định số 2176/QĐ-GENCO3 ngày 02/8/2021.

Theo kế hoạch chuyển đổi số của Tổng Công ty, trong giai đoạn 2021 - 2022, Tổng Công ty đã triển khai thiết kế - hoàn thành - đẩy mạnh - triển khai được **7** NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ trong tổng 19 nhiệm vụ chuyển đổi số, như:

-  - Ứng dụng CNTT trong sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị theo phương pháp RCM cho khối các Nhà máy Thủy điện trực thuộc.
-  - Thiết kế và đưa vào khai thác sử dụng các DashBoard kỹ thuật phục vụ cho công tác quản trị điều hành sản xuất các cấp.
-  - Hoàn thành công tác phối hợp nâng cấp hệ thống phần mềm PMIS - Đẩy mạnh đấu thầu qua hệ thống điện tử của Bộ KH&ĐT.
-  - Triển khai hệ thống Văn phòng số - Digital Office. Xây dựng Thư viện số của Tổng Công ty.
-  - Xây dựng hệ thống quản lý chương trình làm việc của HĐQT. Số hóa quy trình nội bộ của Tổng Công ty.
-  - Triển khai các giải pháp an ninh bảo mật cho hệ thống hạ tầng CNTT.

Các nhiệm vụ trên sau khi hoàn thành công tác triển khai đã áp dụng vào thực tế tại Tổng Công ty và đem lại những hiệu quả tích cực như: giúp số hóa quy trình thực hiện RCM tại các nhà máy, giảm thiểu các sai sót trong quá trình phân tích, thẩm tra và ra quyết định sửa chữa bảo dưỡng; Quản lý được chương trình làm việc của HĐQT Tổng Công ty một cách khoa học hơn, công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện tự động, giảm được nhiều thời gian; Nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu cho các hệ thống CNTT.

“ Bên cạnh việc phát triển về công nghệ, thiết bị trong các nhà máy điện, thì việc đào tạo và trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết trong tương lai cho CBNV để thích ứng và làm chủ công nghệ cũng quan trọng không kém. Ban lãnh đạo **EVNGENCO3** tin rằng con người sẽ luôn làm chủ công nghệ, công nghệ càng hiện đại, phát triển thì vai trò của con người sẽ càng được thể hiện rõ và phải được nâng lên tương xứng để kiểm soát, vận hành công nghệ. ”

Ngoài 09 nhiệm vụ đã hoàn thành như trên, hiện Tổng Công ty đang tiếp tục triển khai 12 nhiệm vụ còn lại theo kế hoạch, trong đó có một số nhiệm vụ trọng tâm như:

- Triển khai hệ thống giám sát và chẩn đoán từ xa RMS:
 - Giai đoạn 1 NMND Mông Dương 1
 - Giai đoạn 2 NMND Vĩnh Tân 2
- Xây dựng hệ thống Workflow, ứng dụng trong các hoạt động của EVNGENCO3.
- Hoàn thiện hệ thống thu thập dữ liệu thủy văn và cảnh báo lũ.
- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu 5 Template của 110.746 thiết bị đã cập nhật trên phần mềm PMIS
- Triển khai hệ thống báo cáo quản trị thông minh BI.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐINH QUỐC LÂM
Chủ tịch HĐQT

Ông Đinh Quốc Lâm - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Hệ thống điện, sinh năm 1973, hiện là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Số cổ phần PGV mà Ông sở hữu và đại diện là 445.797.653 cổ phần (chiếm 39,68% vốn điều lệ).



Ông LÊ VĂN DANH
Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Danh - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Điện - Điện tử, sinh năm 1974, hiện là Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Số cổ phần PGV mà Ông sở hữu và đại diện là 334.339.498 cổ phần (chiếm 29,76% vốn điều lệ).



Ông TRƯƠNG QUỐC PHÚC
Thành viên HĐQT

Ông Trương Quốc Phúc - cử nhân Tài chính kế toán và đã hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ QTKD, sinh năm 1961, hiện tại là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Số cổ phần PGV mà Ông sở hữu và đại diện là 159.209.685 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



Ông NGUYỄN MINH KHOA
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh Khoa - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Luật Quốc tế, Cử nhân Tiếng Anh, sinh năm 1974, hiện tại là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP. Số cổ phần PGV mà Tập đoàn điện lực Việt Nam ủy quyền đại diện là 159.203.285 cổ phần (chiếm 14,88% vốn điều lệ).



Ông ĐỖ MỘNG HÙNG
Thành viên HĐQT Độc lập

Ông Đỗ Mộng Hùng - Kỹ Sư Nhiệt điện, sinh năm 1958, hiện là thành viên độc lập HĐQT Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông LÊ VĂN DANH
Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết xem tại Phần Giới thiệu chung EVNGENCO3 - Mục HĐQT.



Ông CAO MINH TRUNG
Phó TGD Sửa chữa và Công nghệ

Ông Cao Minh Trung - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy, sinh năm 1963, hiện là Phó Tổng Giám đốc Sửa chữa và Công nghệ Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Ông NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG
Phó TGD Kinh doanh - Thị trường điện

Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương - Thạc sĩ Mạng và Hệ thống Điện, Kỹ sư Kỹ thuật Điện, sinh năm 1970, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh - Thị trường điện Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Bà NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
Phó TGD Kinh tế - Tài Chính

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ - Tiếng Anh, sinh năm 1977, hiện là Phó Tổng Giám đốc Kinh tế - Tài chính Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Ông VÕ MINH THẮNG
Phó TGD Đầu tư - Xây dựng

Ông Võ Minh Thắng - Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Điện - Điện tử, sinh năm 1977, hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư - Xây dựng kiêm Giám đốc Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân (Bổ nhiệm từ ngày: 14/4/2021)



Bà VŨ PHƯƠNG THẢO
Kế toán Trưởng

Bà Vũ Phương Thảo, Cử nhân Kế toán, sinh năm 1983, hiện là Kế Toán Trưởng - Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.

Ghi chú: Ông Phan Thanh Xuân - Phó TGD Kỹ thuật - Sản Xuất nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/10/2021



CON NGƯỜI
HIỆU SUẤT & TƯ DUY SỐ

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM HÙNG MINH
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Phạm Hùng Minh, Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Cử nhân kế toán hiện là Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Ông ĐẠ ĐỨC CHIẾN
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ông Đạ Đức Chiến, Thạc sĩ Kỹ thuật điện, Kỹ sư Hệ thống điện, hiện là Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



Bà VŨ HẢI NGỌC
Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Vũ Hải Ngọc, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán hiện là Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY



“ Quản trị doanh nghiệp hiệu quả là yếu tố quyết định sự phát triển ổn định, bền vững của EVNGENCO3, với niềm tin và sự ủng hộ của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp. Hệ thống quản trị của chúng tôi thúc đẩy tính chặt chẽ, minh bạch, trung thực, trách nhiệm, tận tâm và đồng lòng của các cấp quản lý hỗ trợ việc đưa ra quyết định đúng đắn kịp thời vì lợi ích chung của Tổng công ty, đối tác, cổ đông và các bên liên quan.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Với mô hình quản trị của EVNGENCO3, ở đó Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu và quan trọng của EVNGENCO3, cụ thể:

- Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát.
- Quyết định thay đổi vốn Điều lệ EVNGENCO3; thay đổi ngành, nghề kinh doanh của EVNGENCO3.
- Kế hoạch phát triển, các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm, ngắn hạn và dài hạn của EVNGENCO3.
- Quyết định về số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị EVNGENCO3 và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp nhận thực hiện kiểm tra hoạt động của EVNGENCO3.
- Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của EVNGENCO3 được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất của EVNGENCO3 đã được kiểm toán.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành, đã bán của mỗi loại.
- Các quyền và nghĩa vụ khác của Đại hội đồng cổ đông quy định theo pháp luật và Điều lệ của EVNGENCO3.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý EVNGENCO3, có toàn quyền nhân danh EVNGENCO3 để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của EVNGENCO3, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Mọi hoạt động của HĐQT phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ của EVNGENCO3 và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với mọi hoạt động và sự phát triển của EVNGENCO3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị EVNGENCO3, như sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của EVNGENCO3.
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.
- Giám sát và quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của EVNGENCO3
- Quyết định các quy chế quản lý nội bộ của EVNGENCO3.
- Quyết định cơ cấu tổ chức của EVNGENCO3; quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc của EVNGENCO3.
- Quyết định các giải pháp thị trường và phát triển công nghệ.
- Định hướng doanh nghiệp đảm bảo các mục tiêu phát triển bền vững;
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động Quản trị rủi ro.
- Và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ hiện hành của EVNGENCO3.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ trách điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các nhiệm vụ chính của Ban Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty.

- Thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính và kế hoạch đầu tư của EVNGENCO3 đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Điều hành, giám sát việc thực hiện các kế hoạch trung - dài hạn và hoạt động quản trị rủi ro tại EVNGENCO3.
- Xây dựng và kiểm tra hoạt động phát triển bền vững của EVNGENCO3, thúc đẩy mô hình kinh doanh bền vững tạo ra giá trị lâu dài.
- Thực hiện vai trò thiết lập chính sách, đánh giá về tính đầy đủ của hệ thống quản trị rủi ro và điều hành nội bộ của EVNGENCO3.
- Gặp gỡ làm việc với cổ đông.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ hiện hành của EVNGENCO3.

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng Cổ đông và cổ đông của Tổng Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm:

- Kiểm tra về tính hợp lý, hợp pháp mức độ rủi ro của các chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kiểm tra tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ hiện hành của EVNGENCO3.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

STT	Họ và tên	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Đinh Quốc Lâm - Chủ tịch HĐQT	15	100%	
2	Ông Lê Văn Danh - Thành viên HĐQT	15	100%	
3	Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT	15	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên HĐQT	15	100%	
5	Ông Đỗ Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT độc lập	15	100%	



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

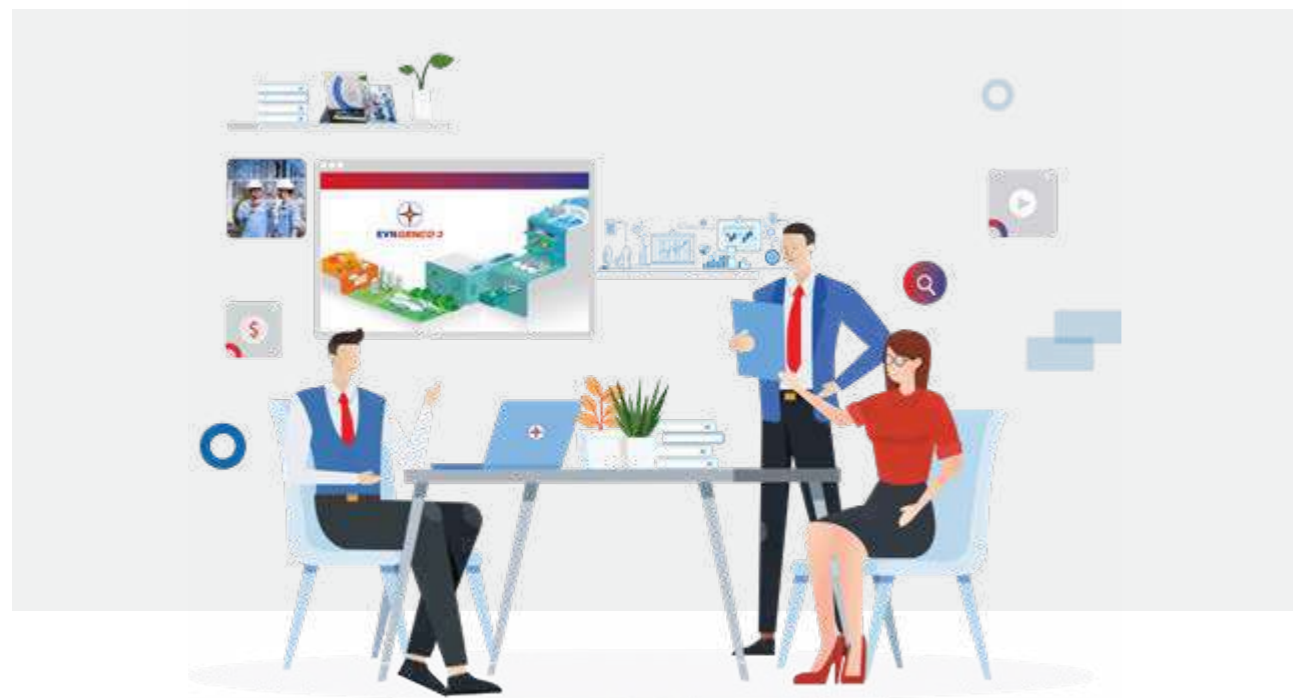
Trong năm 2021, HĐQT EVNGENCO3 đã ban hành 38 Nghị quyết để giải quyết các vấn đề trọng tâm, các chủ trương, định hướng lớn, nhân sự, kế hoạch dài hạn của Tổng Công ty; ngoài ra, HĐQT cũng có các Nghị quyết, quyết định, văn bản để thông qua, chỉ đạo các công việc có tính chất định kỳ trong hoạt động của Tổng Công ty với tỷ lệ thông qua là 100% để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng Công ty và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHCĐ giao.

Cụ thể như sau:

1. HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc trong Tổng Công ty đảm bảo các công việc trong Tổng Công ty tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ tại Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ và các quy định của pháp luật liên quan.
2. HĐQT định kỳ tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng; theo dõi sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong Tổng Công ty; kịp thời chỉ đạo đảm bảo các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao.
3. HĐQT luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết những kiến nghị/đề xuất của Ban điều hành và các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty.
4. Chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Hùng Minh	3	100%	
2	Ông Đậu Đức Chiến	3	100%	
3	Bà Vũ Hải Ngọc	3	100%	



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát tình hình quản trị Tổng Công ty và giám sát kết quả thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua cụ thể:

Cụ thể như sau:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện hoạt động công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
2. Kiểm soát tình hình thực hiện Nghị quyết số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
3. Thẩm định: Báo cáo quyết toán quỹ tiền lương sản xuất điện năm 2020; Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021; Báo cáo tài chính năm 2021; Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 của Tổng Công ty.
4. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ EVNGENCO3 một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

QUẢN TRỊ RỦI RO



EVNGENCO3 xây dựng khung Quản trị rủi ro hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Công tác Quản trị rủi ro ("QTRR") tại EVNGENCO3 được xây dựng và triển khai như sau:

1. Hạn chế và ngăn ngừa những rủi ro không cần thiết hoặc những thiệt hại không đáng có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh.
2. Tạo ra cơ chế vận hành trơn tru, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý điều hành.
3. Đảm bảo cơ chế và tác nghiệp tuân thủ theo quan điểm quản trị điều hành, hệ thống quy trình quy chuẩn hoạt động cũng như quản lý tài chính.

Quan điểm của EVNGENCO3 là có cơ hội trong rủi ro. Vì vậy, QTRR không phải chỉ bao gồm giảm thiểu rủi ro, mà cần phân tích đầy đủ rủi ro, tối ưu hóa tương quan giữa rủi ro và cơ hội, chấp nhận rủi ro trong phạm vi cho phép của Tổng Công ty. Nhờ đó, Tổng Công ty chọn lọc và chấp nhận rủi ro một cách thận trọng và có kiểm soát vì những mục tiêu kinh doanh hợp lý.

EVNGENCO3 thường xuyên duy trì kiểm soát hiệu quả hoạt động; chú trọng việc tổ chức rà soát phân tích, đánh giá và nhận diện các yếu tố, nguy cơ bất lợi làm ảnh hưởng đến hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, hình ảnh, ... của Doanh nghiệp. (Quy IV/2021, TCT đã triển khai thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đối với các hạng mục Cơ sở hạ tầng dùng chung tại TTĐL Vĩnh Tân và TTĐL Mông Dương).

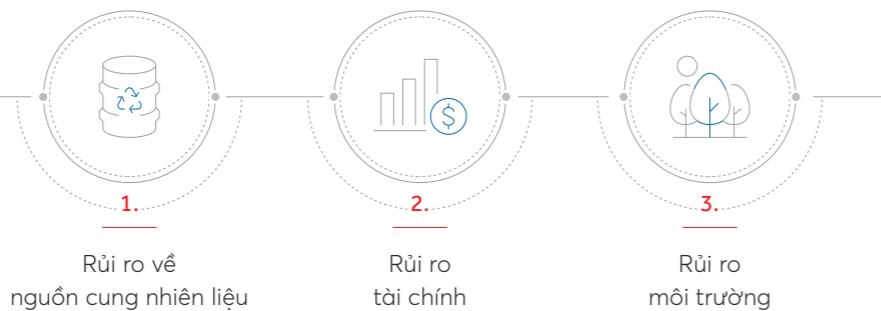
HDQT Tổng Công ty đã xem xét, thông qua Danh mục rủi ro trọng yếu năm 2022; danh mục rủi ro được xác định gồm các nhóm: Chiến lược, Tài chính, Tuân thủ và Hoạt động; ở cấp Tổng Công ty và cấp đơn vị (sản xuất, nghiệp vụ).

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

“EVNGENCO3 có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, toàn diện và đồng bộ, liên thông giữa các cấp, trong đó xác định rõ cơ cấu tổ chức và kế hoạch quản trị rủi ro tại **EVNGENCO3**. Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro được thiết lập tích hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của **EVNGENCO3** trong đó phải có sự tham gia của cấp quản lý, điều hành cao nhất tại **EVNGENCO3**, Đơn vị; các Ban; Phòng chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận kiểm soát tuân thủ của **EVNGENCO3**. **EVNGENCO3** đã áp dụng ISO/IEC 21001 là hệ thống quản lý an ninh thông tin (ISMS) để đánh giá theo các tiêu chuẩn quốc tế. Chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 21001 sẽ thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý hiệu quả giúp **EVNGENCO3** kiểm soát tính an toàn và bảo mật tài sản thông tin của đơn vị mình.

QUẢN TRỊ CÁC NHÓM RỦI RO CHÍNH

Rủi ro lớn nhất mà Tổng Công ty phải đối mặt là



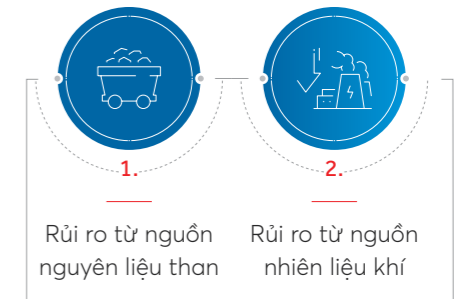
liên quan đến sự phát triển của hệ thống điện Quốc gia và sự phát triển bền vững và môi trường.

EVNGENCO3 xây dựng hệ thống khung Quản trị rủi ro hướng đến thông lệ và chuẩn mực quốc tế, nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với mô hình tổ chức và môi trường hoạt động kinh doanh của Việt Nam. Hệ thống này là tập hợp các quy tắc, thủ tục và cơ cấu tổ chức nhằm xác định, đo lường, giám sát và quản lý các rủi ro chính áp dụng cho Tổng Công ty.

RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN NHRIÊN LIỆU

Về nhiên liệu than: Hiện nay các NMNĐ than của EVNGENCO3 đều đã ký hợp đồng cung cấp than dài hạn với Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc để đảm bảo khoảng 80% nhu cầu than cho nhà máy hoạt động. Giá than của Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV), Tổng Công ty Đông Bắc bán cho sản xuất điện chịu sự điều tiết của cơ quan nhà nước nên giá than khá ổn định. Đối với nguồn than nhập khẩu, Tổng Công ty sẽ cân đối so với nguồn trong nước để nhập khẩu khi giá phù hợp.

Về nhiên liệu khí: Các nhà máy điện Phú Mỹ được bao tiêu khí đến năm 2023, sau thời điểm trên, Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần có thể có rủi ro về giá khí và nguồn cung cấp. Nhưng đây cũng là cơ hội để Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần tìm được nguồn nhập LNG có giá cạnh tranh hơn. EVNGENCO3 sẽ triển khai mua nguồn khí thiên nhiên hóa lỏng LNG nhập khẩu để bù đắp cho phần khí trong nước thiếu hụt so với nhu cầu sản xuất điện do các mỏ khí khu vực Đông Nam Bộ ngày càng suy giảm.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG



Tổng Công ty nhận thức rằng đi đôi với việc phát triển năng lượng đảm bảo an ninh năng lượng điện Quốc gia. Chúng tôi cũng cần đảm bảo sự phát triển an toàn của môi trường và cộng đồng xung quanh. Với phương châm “nhà máy ở đâu, màu xanh ở đó”. EVNGENCO3 không ngừng tăng điện tích phủ xanh và chỉnh trang cảnh quan môi trường ngày càng xanh - sạch - đẹp; Tái sử dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý đạt yêu cầu phục vụ cho các mục đích hợp lý trong hoạt động sản xuất của nhà máy nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên nước, đảm bảo đúng quy định về môi trường. 3 cam kết có những hành động quyết liệt đảm bảo tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan. Đảm bảo thực hiện quan trắc, kiểm tra, giám sát định kỳ đầy đủ các thông số về khí thải, nước thải, nước làm mát và môi trường xung quanh đều trong mức an toàn. Quản lý tro xỉ, bãi xỉ được kiểm soát tốt, thúc đẩy xử lý tiêu thụ tro, xỉ ổn định lâu dài.

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH



Sự vận hành của thị trường điện cạnh tranh bán buôn sẽ gia tăng mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. EVNGENCO3 có thể phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất điện khác trong việc ký kết hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các khách hàng. Tổng Công ty tiếp tục nghiên cứu nhằm triển khai các dự án mới trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, góp phần đảm bảo ổn định an ninh năng lượng Quốc gia nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội.

RỦI RO VỀ CHÁY NỔ

Theo thống kê của bộ PCCC trong những năm qua tình hình cháy, nổ diễn biến ngày càng phức tạp. Trung bình mỗi năm xảy ra 2.230 vụ cháy, làm chết 72 người, bị thương 191 người, thiệt hại khoảng 1.229 tỷ đồng. Nếu tính cả thiệt hại gián tiếp (ngưng sản xuất kinh doanh; đầu tư khôi phục sau cháy, nổ...) thì tổng thiệt hại sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Nhiều vụ cháy đã để lại hậu quả nặng nề cho con người, tác động xấu đến môi trường, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Để đảm bảo an toàn và phòng chống rủi ro cháy nổ, Tổng Công ty sử dụng công cụ tài trợ, mua bảo hiểm cháy nổ đối với tài sản, thiết bị chính trong NMD nhằm hạn chế rủi ro, chuyển giao rủi ro cho các công ty bảo hiểm.



RỦI RO VỀ KINH TẾ

Năm 2021, nhờ chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ nhằm đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine khiến tình hình căng thẳng do covid -19 dần được kiểm soát và bắt đầu từng bước tiến lên trạng thái bình thường mới giúp nền kinh tế cả năm duy trì. Tuy nhiên nền kinh tế cũng đối mặt với khá nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, sức cầu tiêu dùng còn yếu, thu ngân sách thiếu bền vững; giải ngân đầu tư công không đạt mục tiêu cả năm; hoạt động doanh nghiệp còn nhiều khó khăn; rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất vẫn còn; nợ xấu đang gia tăng. Điều này đòi hỏi cần có những chính sách, biện pháp trúng, đúng, kịp thời hơn nữa, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, nhằm phục hồi và phát triển kinh tế bền vững.

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP luôn sẵn sàng chuẩn bị nhiều phương án cho những thách thức về kinh tế vĩ mô và tìm kiếm cơ hội.



Tiếp tục triển khai Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Phát điện 3 giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó:

1. Triển khai phương án tái cơ cấu nâng cao năng lực tài chính của EVNGENCO3.
2. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro.
3. Ứng dụng CNTT trong hoạt động quản trị, điều hành.
4. Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của Tổng Công ty Phát điện 3 giai đoạn 2021 - 2025.
5. Tập trung thực hiện thoái vốn tại công ty liên kết (Điện Việt Lào)

KẾT QUẢ HĐKD NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2022

70	Tình hình kinh tế vĩ mô & ngành điện năm 2021
70	Tình hình vĩ mô Thế giới và Việt Nam
72	Thông tin ngành điện năm 2021
73	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021
74	Công tác sản xuất điện
76	Công tác đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất
77	Đảm bảo công tác sửa chữa lớn
77	Công tác thị trường điện
77	Thực hiện tốt các chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật
78	Tình hình tài chính

80	Tình hình thực hiện các dự án, nghiên cứu đầu tư
82	Thông tin cổ phiếu và quan hệ cổ đông
84	Kế hoạch sản xuất kinh doanh & Đầu tư xây dựng năm 2022
88	Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
89	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Tổng công ty



TÌNH HÌNH KINH TẾ
VĨ MÔ NĂM 2021



KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2021
NHIỀU DIỄN BIẾN
PHỨC TẠP

“ Năm 2021, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, nghiêm trọng dẫn tới kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ việc đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine, việc linh hoạt điều chỉnh chiến lược chống dịch giúp cân bằng hơn giữa việc đảm bảo sức khỏe người dân và phục hồi; tăng trưởng kinh tế cả năm duy trì đà tăng trưởng dương và đang phục hồi nhanh, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục... Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế hồi phục và bật tăng mạnh mẽ trong năm 2022.

Năm 2021, GDP chỉ tăng

2,58%

Tính chung cả năm 2021, GDP chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, song là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp.

CPI bình quân năm 2021 tăng

1,84%

là mức thấp nhất trong vòng 6 năm

Lạm phát được kiểm soát tốt, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm; chủ yếu do sức cầu còn yếu, vòng quay tiền chậm.

Tỷ giá ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp.



THÔNG TIN

NGÀNH ĐIỆN 2021



SẢN LƯỢNG ĐIỆN

256,7 TỶ KWH

Sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống



CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT

76.620 MW

Tổng công suất lắp đặt trên toàn hệ thống

Quy mô hệ thống điện Việt Nam đã vươn lên đứng đầu khu vực ASEAN về công suất nguồn điện.

Trong năm 2021, tốc độ tăng trưởng phụ tải Việt Nam đạt 3,58% so với cùng kỳ năm 2020 do ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid-19, giai đoạn giãn cách hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất bị ảnh hưởng dẫn đến tốc độ tăng trưởng phụ tải giảm. Tổng công suất lắp đặt nguồn điện toàn hệ thống đạt 76.620 MW, trong đó tổng công suất các nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) là 20.670 MW chiếm tỷ trọng 27%. Quy mô hệ thống điện Việt Nam đã vươn lên đứng đầu khu vực ASIAN về công suất nguồn điện. Sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống là 256,7 tỷ kWh, tăng 3,9% so với năm 2020.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021



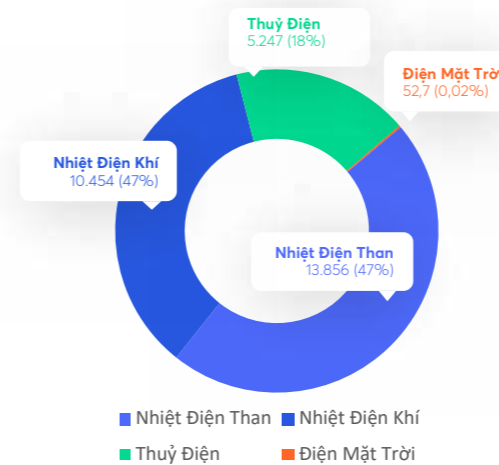
KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

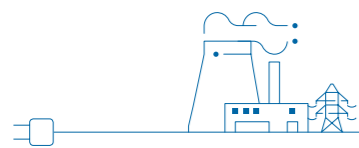
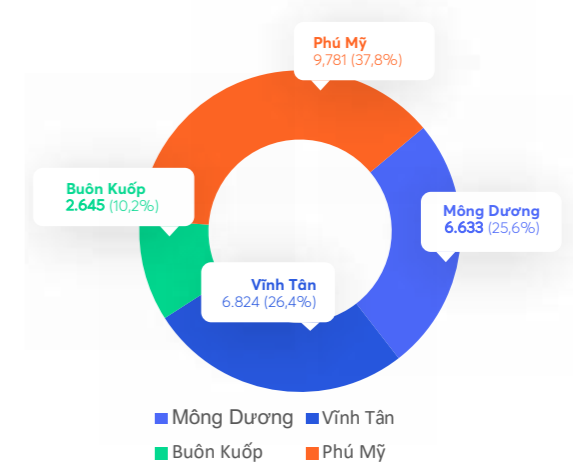


Stt	Đơn vị	KH 2021	Thực hiện 2021	So sánh (%)	
		SLĐ	SLĐ	Cùng kỳ	KH năm
	TỔNG	32.708	29.608	89,04	90,52
I	CÁC ĐƠN VỊ HTPT	29.654	25.901	83,28	87,34
1	Công ty ND Phú Mỹ	12.980	9.781	70,64	75,35
2	Công ty ND Vinh Tân	2.703	2.645	97,51	97,86
2.1	NMD Vinh Tân 2	7.492	6.842	87,52	91,33
2.2	ĐMT Vinh Tân 2	7.433	6.790	87,38	91,35
3	Công ty ND Mông Dương	59,2	52,7	110,49	89,06
4	Công ty TĐ Buôn Kuốp	6.480	6.633	98,62	102,36
II	CÔNG TY CỔ PHẦN	3.054	3.707	172,32	121,40
1	CTCP ND Bà Rịa	425	673	242,74	158,31
2	CTCP ND Ninh Bình	360	433	78,27	120,33
3	CTCP TĐ Vĩnh Sơn -Sông Hinh	1.474	1.806	318,84	122,46
4	CTCP TĐ Thác Bà	390	341	87,62	87,39
5	CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	404	455	124,47	112,54

Sản Lượng Điện Năm 2021 Của TCT Theo Loại Hình (tr.kWh)



Sản Lượng Điện Công Ty Mẹ Năm 2021 (tr.kWh)



CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN

Sản lượng điện sản xuất năm 2021 của **EVNGENCO3** (bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các đơn vị EVNGENCO3 có cử người đại diện)

29.608

Triệu kWh, trong đó

CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

25.901

Triệu kWh

đạt 87,34% so với kế hoạch được thông qua tại Đại ĐHCĐ năm 2021 (29.654 triệu kWh)

SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA CÁC CTCP

3.707

Triệu kWh

đạt 121,40% kế hoạch được giao và các Nghị quyết được thông qua tại Đại ĐHCĐ năm 2021

NHẬN XÉT

Nhiệt điện than chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện sản xuất năm 2021 của Tổng Công ty. Tổng sản lượng điện của Công ty mẹ đạt thấp hơn so với năm 2020 chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Phụ tải hệ thống điện giảm thấp ở cả 3 miền, đặc biệt là phía Nam do áp dụng giãn cách xã hội trong thời gian dài để phòng chống dịch Covid-19; trong 2 tháng cuối năm, tốc độ phục hồi phụ tải chậm.
- Nguồn năng lượng tái tạo, chủ yếu là điện gió tiếp tục được bổ sung dẫn đến tình trạng thừa nguồn.
- Giá nhiên liệu khí tăng cao, Năng lượng tái tạo được ưu tiên huy động dẫn đến sản lượng các Nhà máy Nhiệt điện khí đạt thấp, số giờ dừng dự phòng nhiều.

CÔNG TÁC ĐẢM BẢO

NHIÊN LIỆU CHO SẢN XUẤT

Nhiên liệu khí:



Trong năm 2021, khả năng cấp khí Đông Nam Bộ (ĐNB) khoảng 16,8 triệu m³/ngày đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất điện, lưu lượng khí tiêu thụ của các NMD khu vực ĐNB là 11,4 triệu m³/ngày và của các NMD Phú Mỹ là 5,2 triệu m³/ngày.

Nhiên liệu than:



Để chủ động trong cung ứng nhiên liệu than cho sản xuất của các NMD, Tổng Công ty đã triển khai các Hợp đồng mua than từ TKV, TCT Đông Bắc; đấu thầu mua than nhập khẩu và nguồn than trong nước đảm bảo than cho sản xuất và có dự phòng, cụ thể:



NMND Vĩnh Tân 2: Tổng khối lượng nhận là 3,302 triệu tấn, trong đó than nhập khẩu khoảng 1,095 triệu tấn và đấu thầu trong nước mua than chất bốc thấp để đốt trực tiếp là 203.152 tấn.



NMND Mông Dương 1: Tổng khối lượng nhận là 3,212 triệu tấn, trong đó nguồn của TCT Đông Bắc cấp qua đường cảng đá vôi là 420.382 tấn. Phần còn lại được cấp từ TKV thông qua tuyến băng tải



NMND Ninh Bình: Tổng khối lượng tiêu thụ là 316.538 tấn

ĐẢM BẢO
CÔNG TÁC

SỬA CHỮA LỚN & CÔNG TÁC THỊ ĐIỆN

Sửa chữa lớn:



Trong năm 2021, Tổng Công ty và các đơn vị đã hoàn thành 55 công trình sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị chính, công trình chính đảm bảo an toàn, chất lượng với thời gian thực hiện cụ thể như sau:

Đơn vị	Số công trình	Rút ngắn so kế hoạch
Tổng Công ty	58	131 ngày
Trong đó: HTPPT	25	33 ngày

Công tác thị trường điện:



Dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, nguồn năng lượng tái tạo không tham gia chào giá trên thị trường tăng trưởng nhanh và được ưu tiên huy động làm giá thanh toán trên thị trường điện giảm thấp ngoài dự báo, chỉ đạt 849,90 đồng/kWh, giảm 21,5% so với tính toán trong lập kế hoạch vận hành thị trường điện năm 2021 (1.082,60 đồng/kWh).

Do vậy, Tổng Công ty tập trung điều hành chào giá để vận hành hợp lý, tối ưu các tổ máy nhằm tiết kiệm chi phí nhiên liệu, sử dụng hiệu quả nguồn nước cho thủy điện và tối ưu lợi nhuận thị trường điện.

THỰC HIỆN TỐT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ & KỸ THUẬT

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện đạt 13/14 chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2021	TH 2021	Ghi chú
I. Hệ số khả dụng					
1	Nhiệt điện khí	%	92,79	96,39	Đạt
2	Nhiệt điện than	%	89,95	91,39	Đạt
3	Thủy điện	%	95,74	96,31	Đạt
II. Tỷ lệ dừng máy sự cố					
1	Nhiệt điện khí	%	1,5	0,07	Đạt
2	Nhiệt điện than	%	2,74	1,89	Đạt
3	Thủy điện	%	0,49	0,00	Đạt
III. Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng					
1	Nhiệt điện khí	%	5,71	3,54	Đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2021	TH 2021	Ghi chú
2	Nhiệt điện than	%	7,31	6,73	Đạt
3	Thủy điện	%	3,77	3,69	Đạt
IV. Tỷ lệ điện tự dùng					
1	Nhiệt điện khí	%	1,79	1,76	Đạt
2	Nhiệt điện than	%	8,87	8,29	Đạt
3	Thủy điện	%	0,64	0,56	Đạt
V. Suất tiêu hao nhiệt					
1	Nhiệt điện khí	BTU/kWh	7.535	7.464	Đạt
2	Nhiệt điện than	KJ/kWh	10.291	10.572 ^(*)	Không đạt

(*) Suất hao Nhiệt điện than giảm 252 KJ/KWh so với thực hiện năm 2020



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Doanh Thu

Doanh thu của các Nhà máy điện trực thuộc Tổng Công ty năm 2021 đạt 34.925 tỷ đồng, giảm 8,4% so với năm 2020 do sản lượng giảm so với năm 2020.

STT	Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2020	2021	Tăng/Giảm (%)
1	Doanh thu bán điện Công ty mẹ	38.119	34.925	-8,4%
1.1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	16.957	15.519	-8,5%
1.2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	1.760	1.764	0,2%
1.3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	10.313	9.289	-9,9%
1.4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	9.089	8.353	-8,1%
2	Doanh thu tại công ty con và doanh thu khác	2.249	2.833	26,0%
	Tổng cộng doanh thu hợp nhất	40.368	37.758	-6,5%

Lợi Nhuận

STT	Chỉ tiêu	TH2020	KH2021	TH2021	Tăng/Giảm (%)
	Công ty mẹ				
1	Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG)	2.383	1.596	2.516	6%
2	Lợi nhuận trước thuế	2.148	1.535	3.726	73%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.694	1.311	3.022	78%
	Hợp nhất				
1	Lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG)	2.507	1.725	2.612	4%
2	Lợi nhuận trước thuế	2.292	1.665	3.912	71%
3	Lợi nhuận sau thuế	1.815	1.415	3.179	75%

Tuy sản lượng điện và doanh thu sụt giảm so với năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện các giải pháp tối ưu sản xuất và chi phí sản xuất điện trong năm 2021 cùng với việc chi phí lãi vay giảm giúp cho lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) của Công ty mẹ năm 2021 đạt 2.516 tỷ đồng, hoàn thành 158% kế hoạch năm 2021 được ĐHCĐ thông qua, tăng 6% so với năm 2020. Năm 2021, Công ty mẹ Tổng Công ty cũng ghi nhận sự tăng trưởng lợi nhuận trước thuế lên mức 3.726 tỷ đồng, đạt 243% kế hoạch và tăng 73% so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ đạt 3.022 tỷ đồng, tăng 78% so với năm 2020.

Kết quả SXKD hợp nhất của Tổng Công ty: lợi nhuận sản xuất điện (chưa bao gồm CLTG) năm 2021 là 2.612 tỷ đồng, đạt 151% kế hoạch năm 2020, tăng 4 % so với năm 2020. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất là 3.179 tỷ đồng, tăng 75% so với năm 2020.

Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2020	TH2021	Tăng giảm (+/-)
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,80	1,80	0,00
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,44	1,51	0,07
khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,22	0,23	0,01
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	29,04%	27,70%	-1,34%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	70,96%	72,30%	1,34%
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	79,47%	74,38%	- 5,09%
Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	20,53%	25,62%	5,09%
Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu	Lần	3,87	2,90	- 0,97
Năng lực hoạt động				
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,54	0,54	0,00
Vòng quay tài sản cố định	Lần	0,80	0,81	0,01
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất sinh lời của Tổng tài sản (ROA)	%	2,44%	4,51%	2,07%
Tỷ suất sinh lời Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,89%	19,64%	6,75%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,13	1,16	0,03

Về khả năng thanh toán: Năm 2021, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn của PGV là 1,8 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,51 lần, tăng nhẹ so với năm 2020. Các năm vừa qua, PGV luôn duy trì các hệ số tỷ suất thanh toán ngắn hạn và tỷ suất thanh toán nhanh đều > 1 cho thấy khả năng đảm bảo thanh toán các khoản nợ đến hạn của PGV.

Về cơ cấu vốn: PGV là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc thù tài chính của các nhà máy điện là cơ cấu nợ tương đối cao. EVNGENCO3 có nguồn thu ổn định từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, Tổng Công ty xây dựng lộ trình trả nợ dài hạn đều đặn. Năm 2021, nợ phải trả chiếm 74,38% trên tổng nguồn vốn của Tổng Công ty, giảm 5,09% so với năm 2020. Cấu trúc vốn của PGV đang dần trở nên lành mạnh hơn, đòn bẩy tài chính giảm dần qua các năm. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 3,87 lần (31/12/2020) xuống còn 2,9 lần (31/12/2021), đảm bảo an toàn tài chính.

KẾT LUẬN: Nhìn chung, EVNGENCO3 đã ghi nhận một năm 2021 thành công trong công tác sản xuất kinh doanh. Ngoài việc cải thiện đáng kể hệ số nợ, EVNGENCO3 còn duy trì được đà tăng trưởng về nhiều mặt từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khả năng sinh lời cho đến hiệu quả sử dụng tài sản - nguồn vốn của chủ sở hữu.

Về khả năng sinh lời: Các chỉ số về khả năng sinh lời của EVNGENCO3 đều tăng trưởng mạnh mẽ nhờ lợi nhuận sau thuế năm 2021 có mức tăng trưởng mạnh. Năm 2021 EVNGENCO3 đã nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và nguồn vốn của chủ sở hữu: ROE tăng từ mức 12,89% năm 2020 lên đến 19,64% vào năm 2021; và ROA từ 2,44% lên mức 4,51% vào năm 2021.

Về năng lực hoạt động: Hệ số vòng quay tài sản cố định tăng nhẹ 0,01 lần so với năm 2020. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có sử dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Đồng thời, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định luôn được EVNGENCO3 chú trọng trong những năm qua.



KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN - NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

DỰ ÁN TTĐL

LONG SƠN TUABIN KHÍ CTHH SỬ DỤNG LNG NHẬP KHẨU



Dự án TTĐL Long Sơn - Giai đoạn 1 (1.500MW): Thúc đẩy điều chỉnh tiến độ dự án trong Quy hoạch điện VIII; Tổng Công ty đang phối hợp các thành viên trong Tổ hợp Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ liên quan để tham gia lựa chọn nhà đầu tư khi UBND tỉnh BR-VT phát hành hồ sơ.

Đôn đốc Bộ ngành bổ sung các giai đoạn còn lại vào Quy hoạch Điện VIII.

DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN

THƯỢNG KON TUM



(EVNGENCO3 đang nắm giữ 30,55% cổ phần của CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là Chủ đầu tư Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum)

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP với vai trò là cổ đông lớn luôn đồng hành và hỗ trợ đơn vị thi công dự án, theo đó dự án đã hoàn thành phát điện thương mại các tổ máy trong tháng 4/2021

DỰ ÁN

ĐIỆN GIÓ & ĐIỆN MẶT TRỜI



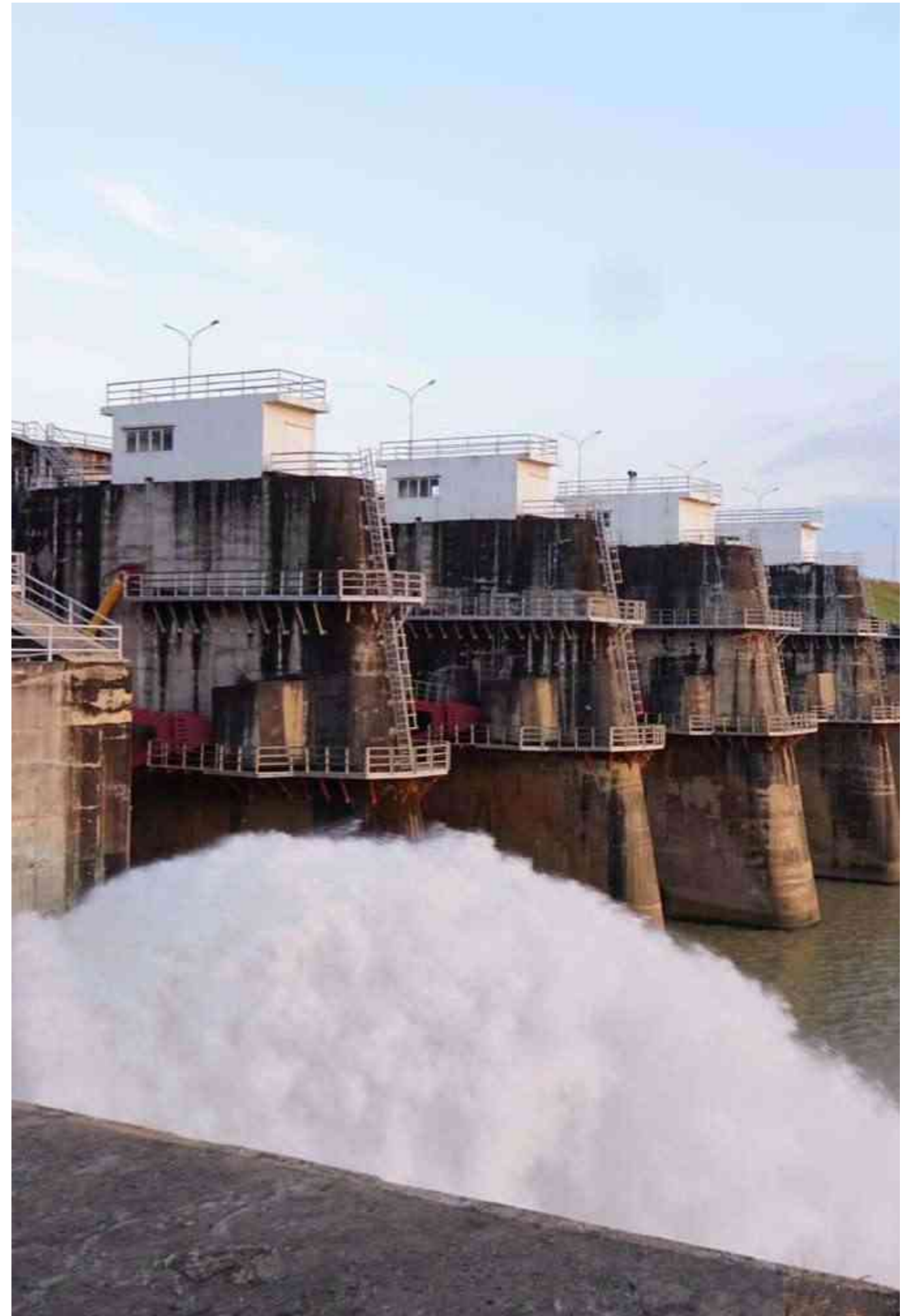
Tổng Công ty đang tiếp tục nghiên cứu xúc tiến hợp tác đầu tư và chuẩn bị hồ sơ để triển khai tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư sau khi Quy hoạch Điện VIII được phê duyệt.

DỰ ÁN THỦY ĐIỆN

BUÔN KƯỚP MỞ RỘNG - SRÊPÔK 3 MỞ RỘNG



Tổng Công ty đã trình Bộ Công Thương thẩm định đưa vào Quy hoạch Điện VIII Nhà máy Thủy điện Buôn Kướp mở rộng, Srêpôk 3 mở rộng, hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

& QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

MÃ CHỨNG KHOÁN

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 50%

PGV

số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

GIÁ TRỊ VỐN HÓA

GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (31/12/2021)

44.041

Tỷ đồng

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU

KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH

1.123,47

triệu cổ phiếu

CỔ ĐÔNG LỚN

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM (CHIẾM 99,19%) - TƯƠNG ĐƯƠNG

1.114,42

triệu cổ phiếu

THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

TỔNG CÔNG TY ĐÃ THỰC HIỆN CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2020 BẰNG CỔ PHIẾU (TỶ LỆ 5%, THỜI ĐIỂM THỰC HIỆN: THÁNG 7/2021), VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY TĂNG TƯƠNG ỨNG

534,98

tỷ đồng

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG NỔI BẬT 2021

Năm 2021 - Không chỉ là một năm đầy dấu ấn của xã hội, mà cũng là cột mốc cho Tổng Công ty Phát điện 3 khi mã cổ phiếu PGV chính thức được niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 10/02/2022. Điều này khẳng định tầm vóc của PGV trên thị trường vốn Việt Nam và càng nhấn mạnh sự nỗ lực trong công tác quan hệ nhà đầu tư của Tổng Công ty. Các hoạt động tiêu biểu như sau:

- Ngày 10/02/2022, tổ chức thành công lễ trao quyết định niêm yết và chào mừng ngày giao dịch chính thức cổ phiếu Tổng Công ty Phát điện 3 (mã chứng khoán: PGV) với sự tham gia đông đảo của các đối tác.
- Do tình hình dịch bệnh, PGV ưu tiên đẩy mạnh các kênh online, trong đó có mảng báo chí. Trong năm qua, tất cả các tin tức về hoạt động của PGV đều cập nhật liên tục trên các trang báo với độ phủ thị trường lớn, nhằm mục đích cung cấp nhanh nhất các hoạt động của PGV đến nhà đầu tư trong thời gian giãn cách.
- Để các cổ đông và nhà đầu tư có thêm góc nhìn về mã cổ phiếu PGV qua các chuyên viên phân tích hàng đầu trong thị trường. Tổng Công ty đã liên tục cập nhật báo cáo quan hệ cổ đông (IR) theo tháng để các chuyên viên phân tích có thể thường xuyên ra báo cáo về mã cổ phiếu PGV.
- Chia cổ tức: Năm 2021, thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ số 52/NQ-ĐHCĐ ngày 27/5/2021, EVNGENCO3 đã chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông với tỷ lệ 10% (5% bằng tiền, 5% bằng cổ phiếu).

CẤU TRÚC CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ Chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	1.114.422.994	99,19%	1	1	0
2	Cổ đông khác	9.045.052	0,81%	2.008	1	2.007
2.1	Trong nước	8.867.742		1.987	0	1.987
2.2	Nước ngoài	177.310		21	1	20
	Tổng cộng	1.123.468.046		2.009	2	2007

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Đối tượng	Họ tên - Chức vụ	Tổng số cổ phiếu đại diện	Tổng số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu và đại diện cổ phần EVN
Hội đồng Quản trị	Ông Đình Quốc Lâm - Chủ tịch HĐQT	445.769.198	28.455	39,68%
	Ông Lê Văn Danh - Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	334.326.898	12.600	29,76%
	Ông Trương Quốc Phúc - Thành viên HĐQT	167.163.449	6.720	14,88%
	Ông Nguyễn Minh Khoa - Thành viên HĐQT	167.163.449	0	14,88%
	Ông Đỗ Mộng Hùng - Thành viên HĐQT	0	0	0%
Ban Tổng Giám đốc	Ông Cao Minh Trung - Phó TGD Sửa chữa và Công nghệ	0	23.145	0,002%
	Ông Nguyễn Thanh Trung Dương - Phó TGD Kinh doanh - Thị trường điện	0	16.170	0,001%
	Ông Nguyễn Thị Thanh Hương - Phó TGD Kinh tế - Tài chính	0	10.080	0,001%
	Ông Võ Minh Thắng - Phó TGD Đầu tư - Xây dựng	0	12.180	0,001%



KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2022

Kế hoạch 2022 được xây dựng trên các điều kiện hiện tại, cụ thể như sau

KẾ HOẠCH PHÁT ĐIỆN



CÁC DỮ LIỆU ĐẦU VÀO



TÌNH HÌNH
NHIÊN LIỆU
KHÍ

17 ÷ 18 (tr.m³/ngày)

- Khả năng cấp khí và kế hoạch sửa chữa khí được cập nhật theo Văn bản số 1346/KVN-ĐDK ngày 29/7/2021 của PVGas về khả năng cấp khí cho sản xuất điện theo từng nguồn năm 2022, theo đó khí cấp Đông Nam Bộ trong năm 2022 đạt khoảng **17 ÷ 18 tr.m³/ngày**.



KHẢ NĂNG
CẤP THAN

- Nguồn than nhập khẩu bổ sung cho Vĩnh Tân 2 gặp khó khăn do tình hình giá than thế giới tăng rất cao. Tổng Công ty đang triển khai nhiều giải pháp như tăng lượng than tồn kho cuối năm, đàm phán với TKV, TCT Đông Bắc để điều chuyển tiếp nhận lượng than chưa nhận hết trong năm 2021 để đảm bảo nhiên liệu cho sản xuất.



THỦY VĂN

- Dự kiến nước về hồ thủy điện Buôn Tua Srah với tần suất 65% và đạt xấp xỉ cao trình mực nước dâng bình thường (487,5 m) vào ngày 31/12/2021.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT

Dự kiến sản lượng điện kế hoạch năm 2022 của EVNGENCO3 như sau:

ĐVT: Triệu kWh

Stt	Nhà máy	Kế hoạch sản xuất năm 2022
	Tổng	29.881
I	CÁC ĐƠN VỊ HTPT	27.429
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	9.937
2	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	8.129
2.1	NMĐ Vĩnh Tân 2	8.069
2.2	ĐMT Vĩnh Tân 2	60
3	Công ty Nhiệt điện Mông Dương 1	6.996
4	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.367
II	CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT (*)	2.452
1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	34
2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	346
3	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	1395
4	CTCP Thủy điện Thác Bà	257
5	CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	420

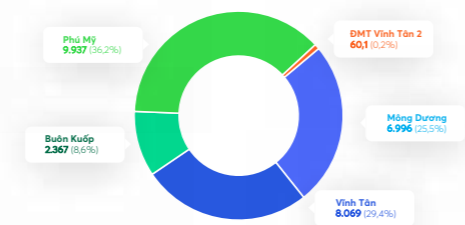
(*) Sản lượng điện các công ty con và công ty liên kết căn cứ theo Quyết định số 3063/QĐ-BCT ngày 31/12/2021 của Bộ Công thương về việc phê duyệt kế hoạch vận hành và cung cấp điện năm 2022

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2022

1. KẾ HOẠCH PHÁT ĐIỆN

- Tổng sản lượng điện sản xuất năm 2022 dự kiến của EVNGENCO3 là **29,881 tỷ kWh**, tăng **0,92%** so với thực hiện năm 2021; trong đó các đơn vị HTPT là **27,429 tỷ kWh**, CTCP là **2,452 tỷ kWh**.

Sản Lượng Điện Kế Hoạch 2022 Của HTPT (tr.kWh)



2. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN

- Theo kế hoạch sửa chữa lớn năm 2022, các đơn vị HTPT dự kiến thực hiện **09 công trình sửa chữa lớn** các tổ máy (không bao gồm tiểu tu) và nhiều công trình phụ trợ khác.
- Đẩy mạnh công tác tự gia công phục hồi, thay thế chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật chính hãng để tăng chủ động cũng như tối ưu và tiết giảm chi phí.



3. CÔNG TÁC XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

Thúc đẩy lựa chọn chủ đầu tư và triển khai xây dựng phần CSHT dự án TTĐL Long Sơn - Giai đoạn 1. Xúc tiến bổ sung Dự án TTĐL Long Sơn - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch phát triển điện lực.

Tiếp tục nghiên cứu xúc tiến hợp tác phát triển các dự án điện gió tiềm năng trên bờ và trên biển ở khu vực miền Trung, Tây Nam bộ và khu vực khác để triển khai khi Quy hoạch Điện 8 phê duyệt.

Triển khai công tác khảo sát lập dự án đầu tư và xin chủ trương đầu tư Dự án NMTĐ Buôn Kuốp/Srêpốk 3 Mở rộng khi Quy hoạch Điện 8 phê duyệt.



4. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Tiếp tục xây dựng và triển khai các phương án lành mạnh hóa tài chính và nâng cao năng lực, sức hấp dẫn của EVNGENCO3 trên thị trường.

Chi tiêu	ĐVT	KH 2022
Tổng doanh thu	tỷ đồng	46.792
Tổng chi phí	tỷ đồng	44.574
Tổng lợi nhuận (chưa bao gồm CLTG)	tỷ đồng	2.218
Trong đó: Lợi nhuận SXKD điện (chưa bao gồm CLTG)	tỷ đồng	1.905

Việc phân phối lợi nhuận (bao gồm nội dung chia cổ tức) sẽ do ĐHDGD quyết định.



5. CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ SXKD

Trong năm 2022, Tổng Công ty sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp khác, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định và nâng cao hiệu suất, giảm tỷ lệ điện tự dùng. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục triển khai Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành các NMNĐ than và thực hiện Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành cho các Nhà máy điện giai đoạn 2021-2025.
- Tập trung hoàn thành kế hoạch thay ống Lò hơi của NMNĐ Mông Dương 1 đảm bảo an toàn, chất lượng.
- Phối hợp các nhà sản xuất lò hơi như MPW, Foster Wheeler, IHI... thực hiện kiểm tra, đánh giá và xây dựng chương trình sửa chữa bảo dưỡng phòng ngừa cho các Lò hơi của Mông Dương 1.
- Hoàn thành và đưa vào sử dụng chính thức đề án đốt than trộn cho NMNĐ Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 đảm bảo vận hành tin cậy, lâu dài.
- Tăng cường giám sát chất lượng than đầu vào thông qua các thiết bị giám sát thông số online để kiểm soát, phân bổ lưu kho, tính toán cân đối các loại than để đưa vào vận hành tối ưu nhất.
- Đẩy mạnh việc triển khai công tác sửa chữa theo hình thức RCM tại các nhà máy điện thành viên trong Tổng Công ty
- Thường xuyên tổ chức đánh giá tổng thể tình trạng thiết bị, tổ máy của các nhà máy để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các bất thường, sự cố tiềm ẩn cũng như đưa ra giải pháp cải tiến, sửa chữa, thay thế nâng cao độ tin cậy, đảm bảo vận hành ổn định, liên tục.
- Nghiên cứu ứng dụng hệ thống RMS để giám sát, phân tích, đánh giá và đưa ra các giải pháp, phương thức vận hành tối ưu cho các NMNĐ đốt than.
- Tiếp tục lắp biển tần cho các động cơ công suất lớn để giảm điện tự dùng.
- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm cải thiện hiệu suất tuabin và giảm suất hao nhiệt cho nhà máy nhiệt điện than.
- Nghiên cứu thí điểm triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số nhà máy điện.
- Nghiên cứu xây dựng đề án đảm bảo vận hành tin cậy, lâu dài cho các NMNĐ Phú Mỹ 2.1/ Phú Mỹ 2.1MR.
- Tổng kết, đánh giá và tiếp tục thực hiện Đề án giảm sự cố chủ quan nhà máy điện trực thuộc.
- Hoàn thành các hạng mục chuyển đổi số lĩnh vực sản xuất được EVN giao và hạng mục theo kế hoạch TCT xây dựng để góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, cải tiến công nghệ.
- Triển khai ứng dụng CNTT hiện đại trong vận hành và quản lý kỹ thuật. Tổ chức xây dựng công cụ thu thập, phân tích cơ sở dữ liệu về công nghệ, tuổi thọ các thiết bị chính trong nhà máy điện.
- Đẩy mạnh triển khai các khoá đào tạo chuyên gia, phát triển nguồn nhân lực. Chú trọng công tác đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ sửa chữa, kỹ thuật viên và hiệu chỉnh thông số Lò của NMNĐ than.



BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ CỦA

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tối ưu kinh tế để tăng trưởng bền vững: trong năm 2021, Tổng Công ty quyết tâm triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao chỉ tiêu kỹ thuật, tối ưu hóa chi phí SXKD, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, góp phần vào sự phát triển của ngành Điện Việt Nam.

1. ĐẢM BẢO CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN ỔN ĐỊNH:

- Bám sát kế hoạch năm 2022 đã đề ra, EVNGENCO3 đảm bảo vận hành các tổ máy theo yêu cầu hệ thống, vừa phát triển các dự án nguồn điện mới duy trì đà tăng trưởng trong lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Đồng thời, phát huy tối đa mọi nguồn lực đảm bảo nâng cao năng lực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị hướng tới nâng cao hoạt động tin cậy và ổn định thiết bị, hệ thống điện (RCM)

2. CƠ CẤU NGUỒN VỐN TỐI ƯU:

- EVNGENCO3 phấn đấu duy trì cơ cấu vốn lành mạnh, phù hợp với môi trường kinh doanh, nhưng phải linh hoạt tận dụng tối đa những cơ hội của thị trường để có thể huy động được nguồn vốn tốt. Đồng thời, lựa chọn linh hoạt các công cụ tài chính khác nhau của thị trường nợ & thị trường vốn, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo dòng tiền được sử dụng hợp lý với chi phí vốn tốt nhất.

3. ĐÓNG GÓP CHO NỀN KINH TẾ NƯỚC NHÀ:

- Tăng trưởng của EVNGENCO3 không chỉ gắn liền với sự phát triển bền vững của Tổng Công ty/EVN nói riêng nhưng còn là sự đảm bảo trách nhiệm đối với xã hội nói chung. Tổng Công ty cam kết toàn bộ chuỗi giá trị trong hoạt động SXKD đều được xem xét trên 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội - môi trường. Các công tác kế toán, lập và nộp BCTC trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê. Và thực hiện thủ tục kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. EVNGENCO3 cũng tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, ATXH, bình đẳng giới, Bảo vệ tài nguyên - môi trường, Bảo vệ di tích văn hóa-lịch sử, Danh lam thắng cảnh.

4. Củng cố năng lực quản trị và quản lý doanh nghiệp:

Củng cố năng lực quản trị và quản lý doanh nghiệp: EVNGENCO3 luôn hướng tới sự phát triển một bộ máy quản trị gọn nhẹ, linh hoạt & hiệu quả. Chính vì vậy, việc củng cố năng lực quản trị là một trong những chiến lược trọng yếu trong năm 2021. Để làm được điều đó, Ban Tổng giám đốc đã đề ra các định hướng chính sau:

- Tinh gọn bộ máy, tinh gọn hệ thống quy định, quy trình để tăng năng suất, hiệu quả
- Thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trong đó chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đào tạo thực tế qua công việc và các khóa đào tạo đặc biệt chuyên sâu tại nước ngoài.
- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ kỹ thuật 4.0 vào kinh nghiệm và quản trị nhằm tạo ra những đột phá mới.

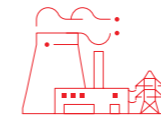


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Sản lượng điện sản xuất

29,61

TỈ KWH

đạt 90,52% so với kế hoạch

Chỉ tiêu thực hiện năm 2021 so với kế hoạch (hợp nhất).

- Sản lượng điện toàn Tổng Công ty:** 29,61 tỷ kWh, đạt 90,52% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** 3.912 tỷ đồng đạt 234,9% lợi nhuận kế hoạch.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh khó khăn do dịch bệnh Covid-19, khiến Tổng Công ty phát điện 3 không đạt mức kế hoạch doanh thu. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực hết mình của cán bộ nhân viên và sự kiểm soát hiệu quả chi phí của Ban Lãnh đạo đã giúp Tổng Công ty đạt được mức lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao năm 2021.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

- Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng Giám Đốc để theo dõi tình hình động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty qua hệ thống thông tin điện tử online, tham gia vào các cuộc họp giao ban qua đó có những gợi ý hoặc nêu những biện pháp triển khai nghị quyết của HĐQT, đặc biệt chú trọng công tác quản trị rủi ro trong quá trình vận hành sản xuất điện.

- Hội đồng quản trị đã ban hành quy chế quản trị nội bộ, được triển khai cụ thể từ Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty để áp dụng trong việc tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó hoạt động quản trị Công ty cũng được sự kiểm tra của phòng kiểm soát nội bộ nhằm để phòng rủi ro một cách tốt nhất



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.

- Ban tổng giám đốc thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, điều lệ và các quy chế, các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty.

- Điều hành của Ban Tổng giám đốc nhất quán với định hướng của HĐQT và luôn bám sát thực tiễn, sáng tạo, chủ động tháo gỡ khó khăn và tạo được lợi nhuận ở mức tốt nhất. Đặc biệt là Tổng Giám đốc và cán bộ nhân viên Tổng Công ty đã quyết tâm, kiên trì duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp

- Có các biện pháp tích cực nâng cao hoạt động quản lý - vận hành thể hiện qua các quy định được ban hành.

5

SONG HÀNH CÙNG SỰ BỀN VỮNG

- 91 Mô hình quản trị bền vững
- 92 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường & xã hội (ESG)
 - Phát triển nhân sự bền vững
 - Môi trường và Xã hội

EVNGENCO3 CUNG CẤP
CHO CỘNG ĐỒNG NĂM 2021



29,61 Tỷ kWh



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ THÁCH THỨC, TRỌNG TÂM CỦA EVNGENCO3

CHÚNG TÔI PHẢI CÓ TRÁCH NHIỆM DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH VỀ MẶT SẢN LƯỢNG ĐIỆN ĐẢM BẢO AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA, VỪA GIẢM THIỂU SỰ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, ĐẦU TƯ CÓ TRÁCH NHIỆM, TIẾT KIỆM VÀ GÌN GIỮ NGUỒN TÀI NGUYÊN CHO THẾ HỆ TƯƠNG LAI.

Với sự tập trung vào sự phát triển bền vững vào từng khu vực có nhà máy của Tổng Công ty. Chúng tôi xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, trường - trạm đảm bảo cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh nhà máy cũng như tạo công ăn việc làm cho người dân trong khu vực, đảm bảo đóng góp vào ngân sách của địa phương. Các hoạt động kinh doanh bền vững của chúng tôi, dựa trên tính chính trực, công bằng, minh bạch và trách nhiệm. Thông qua các chương trình của Tổng Công ty, chúng tôi đảm bảo tính an toàn, hạnh phúc của nhân viên và cam kết vì quyền bình đẳng và sự phát triển lâu dài của xã hội.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG



QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ TRỌNG TÂM TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY. CÁC CHỈ SỐ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐANG TRỞ THÀNH MỘT PHẦN TẤT YẾU TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY THÔNG QUA CÁC MỤC TIÊU, KHÍA CẠNH:



MÔI TRƯỜNG

Phát thải carbon, quản lý nước và chất thải, nguồn cung nguyên liệu thô, tác động từ biến đổi khí hậu



XÃ HỘI

Đồng hành và hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội



QUẢN TRỊ

Quản trị Công ty, đạo đức kinh doanh, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ



PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ BỀN VỮNG



THẾ GIỚI CHÚNG TA ĐANG THAY ĐỔI. TOÀN CẦU HÓA, ĐÔ THỊ HÓA VÀ SỐ HÓA ĐANG THAY ĐỔI CÁCH TIẾN HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA MÌNH. BÊN TRONG NHỮNG THAY ĐỔI NÀY CÓ CẢ THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI. CHÚNG TÔI CỐ GẮNG TRONG KHẢ NĂNG CỦA MÌNH ĐỂ THU HÚT VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI; XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC AN TOÀN, LÀNH MẠNH, THÚC ĐẨY CƠ HỘI VÀ SỰ BÌNH ĐẲNG VÀ PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC CHỌN CỦA CÁC ỨNG VIÊN.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỀN VỮNG DỰA TRÊN CÁC TIÊU CHÍ TUYỂN DỤNG CÔNG BẰNG VÀ MINH BẠCH:



Quy trình tuyển dụng đảm bảo tuân thủ nguyên tắc công bằng, minh bạch dựa trên năng lực và khả năng đóng góp của ứng viên.

Trao quyền cho tất cả nhân viên để chịu trách nhiệm trong vai trò đảm nhận.

Ưu tiên tuyển dụng các vị trí lãnh đạo từ nguồn cán bộ tiềm năng nội bộ.

Xây dựng môi trường làm việc đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của người lao động.

Chế độ lương thưởng phù hợp với những đóng góp nổi bật của cán bộ, nhân viên.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua việc triển khai hiệu quả chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.





CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng Công ty đã thường xuyên sắp xếp tối ưu lao động, tuyển dụng và sử dụng lao động thấp hơn KH được giao (lao động SXKD điện bình quân TH năm 2021 là 2.073 người, trong đó Công ty mẹ là 1.393 người), năng suất lao động cụ thể:



Tổng số lao động
(Người)

2.730

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021	TH 2021
1	Điện sản xuất/lao động	Tr.kWh/ng	12,55	13,03
			Trong đó Công ty mẹ	Tr.kWh/ng
2	Số lao động/đơn vị công suất lắp đặt	Người/MW	0,35	0,35
			Trong đó Công ty mẹ	Người/MW

Chế độ làm việc tại EVNGENCO3 làm việc 8h/ngày. Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất 48h liên tục. Tất cả cán bộ, công nhân viên được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Ưu đãi và phúc lợi: Tổng Công ty hành động theo quy định thống nhất cung cấp cho tất cả người lao động những lợi ích hỗ trợ sức khỏe thể chất và tinh thần và tài chính. Những ưu đãi và phúc lợi bao gồm: Chế độ lương thưởng cho người lao động tương ứng với mức độ, tính chất công việc; đảm bảo trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể người lao động; xây dựng khu cư xá dành cho người lao động và gia đình của họ. Chúng tôi còn thường xuyên ra soát, điều chỉnh chính sách phúc lợi, tạo thêm nhiều ưu đãi thiết thực để đảm bảo an sinh cho toàn thể cán bộ nhân viên.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGHIỆP VÀ HỌC TẬP



Chúng tôi còn chú trọng đào tạo đội ngũ quản lý, lực lượng nòng cốt đến nay

100%

cán bộ đương nhiệm và trong quy hoạch được đào tạo đạt chuẩn trình độ về quản lý, chính trị, ngoại ngữ

Sự thành công và phát triển bền vững của Tổng Công ty gắn liền với những nhân viên có trình độ cao. Tại EVNGENCO3 chúng tôi xây dựng các chương trình đào tạo nhằm bồi đắp kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho toàn thể cán bộ, nhân viên thông qua các hình thức: đào tạo qua thực tiễn công việc (70%); đào tạo qua kèm cặp (20%) và đào tạo thông qua các khóa đào tạo (10%); trong đó ưu tiên các khóa đào tạo chuyên sâu, đào tạo chuyên gia nhằm thay thế các chuyên gia nước ngoài.

SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp gắn liền với thực tiễn kinh doanh của chúng tôi và là cam kết cho hoạt động quản trị bền vững của Tổng Công ty.

Nó được đưa vào hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của toàn Tổng Công ty. Đối với chúng tôi sức khỏe và an toàn nghề nghiệp vượt xa ngoài việc chỉ đơn giản tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn. Chúng tôi không chỉ duy trì sức khỏe, hạnh phúc của nhân viên mà còn tích cực thúc đẩy và cải thiện để ngày càng hoàn thiện hơn.



Nguyên tắc này áp dụng cho nhân viên của chúng tôi, mà còn dành cho khách hàng, đối tác, người hỗ trợ kinh doanh. Mục tiêu của chúng tôi là tích hợp sức khỏe và an toàn nghề nghiệp vào tất cả các quy trình kinh doanh duy trì nó tồn tại lâu dài trong văn hóa doanh nghiệp của Tổng Công ty. Trọng tâm là thu hút sự quan tâm, cam kết chấp hành của toàn thể nhân viên trong việc định hình điều kiện và môi trường làm việc của họ. EVNGENCO3 triển khai thực hiện quản lý sức khỏe và an toàn nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001 nhằm tạo môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu nguy cơ tai nạn và chủ động trong việc quản lý rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động. Đưa sức khỏe và an toàn lao động vào các chương trình đào tạo rộng rãi tại Tổng Công ty.

GIẢI PHÁP LÀM VIỆC LINH HOẠT

Tổng Công ty thực hiện các chính sách thí điểm về làm việc linh hoạt, áp dụng cho hai nhóm nhân viên của PGV:

- Thứ nhất, nhóm gián tiếp, làm việc từ xa, giờ làm việc linh hoạt, giờ làm việc cộng dồn. Người lao động có thể làm việc tại bất kỳ địa điểm nào, giờ giấc linh động trong một ngày. Một tuần 5 ngày làm việc, người lao động có thể thu xếp làm việc dồn lại 4 ngày, dành trọn 1 ngày để giải quyết công việc gia đình. Tần suất áp dụng không quá 30% trên tổng số cán bộ nhân viên thuộc một bộ phận.
- Thứ hai, đối với nhóm trực tiếp áp dụng với người lao động vận hành sửa chữa nhà máy điện, cần tính kịp thời, đáp ứng vận hành an toàn hệ thống điện. Tổng Công ty áp dụng giờ làm việc linh hoạt, khi đột xuất cần đến nhận ca trễ, ra ca sớm, áp dụng linh hoạt.



MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



MÔI TRƯỜNG

Trong chiến lược kinh doanh của mình, chúng tôi tập trung sử dụng các nguồn năng lượng sạch đảm bảo an toàn từ khâu cung ứng nguồn nguyên, nhiên liệu đến khâu xử lý nguyên liệu thô, tạo ra sản phẩm và xử lý thải đảm bảo quy chuẩn theo luật pháp hiện hành. Và chú trọng đặc biệt đến khâu xử lý chất thải, khí thải.

Các dự án/công trình điện của Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản liên quan. Trong đó:



Bố trí đầy đủ và vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường theo quy định, bao gồm hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu của các NMND về Sở TN&MT địa phương.



Tái sử dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý đạt yêu cầu phục vụ cho các mục đích hợp lý trong hoạt động sản xuất của nhà máy với mục tiêu tiết kiệm tối đa nguồn tài nguyên nước và đảm bảo đúng quy định về môi trường.



Công tác quản lý và xử lý tro, xỉ tiếp tục được kiểm soát tốt, đảm bảo môi trường. Bãi xỉ các nhà máy đảm bảo ổn định, an toàn. Tiến tới tiêu thụ toàn bộ và bền vững lượng tro xỉ trong thời gian sắp tới.

Năm 2022, Tổng Công ty tiếp tục triển khai chỉ đạo các công tác bảo vệ môi trường như:

1. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc và kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên nước. Đồng thời, đối với các nhà máy nhiệt điện than, Tổng Công ty luôn duy trì hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2015
2. Duy trì vận hành thường xuyên, tin cậy, ổn định các hệ thống xử lý môi trường, thiết bị quan trắc, giám sát môi trường online (khí thải, nước thải và nước làm mát) đã được trang bị đồng bộ tại các nhà máy điện. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn định kỳ các thiết bị quan trắc môi trường online đầy đủ theo quy định.
3. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải thông qua hoạt động quan trắc, giám sát online, định kỳ; hợp đồng với đơn vị chức năng được Bộ TN&MT cấp phép trong việc xử lý chất thải, quan trắc môi trường; tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và tổ chức quan trắc, giám sát môi trường định kỳ và báo cáo đầy đủ theo quy định; đảm bảo hệ thống quan trắc môi trường online và truyền số liệu của các NMND về Sở TN&MT địa phương hoạt động ổn định, thông suốt; hoàn thành các giấy phép môi trường, phương án bảo vệ môi trường cho các dự án mới đưa vào vận hành.

Triển khai một số hạng mục chính như sau:

1. Xây dựng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 đối với các nhà máy nhiệt điện khí.
2. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai thực các giải pháp tái tận dụng triệt để các nguồn nước thải sau xử lý với mục tiêu sử dụng nguồn tài nguyên nước hiệu quả, hợp lý.
3. Thúc đẩy tiêu thụ tro xỉ mang tính lâu dài

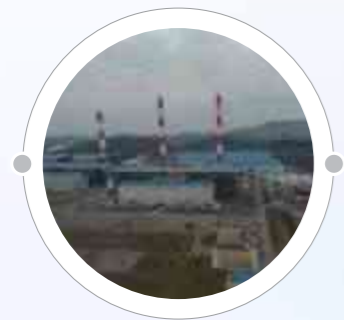
**TẦM NHÌN
BỀN VỮNG**

ĐỐI VỚI NMNĐ VĨNH TÂN 2



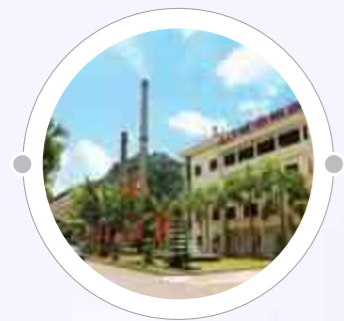
- Lắp đặt thêm hệ thống CEMS cho tổ máy S1 NMNĐ Vinh Tân 2 để tăng tính ổn định của tín hiệu quan trắc.
- Đưa vào khai thác tuyến ống xuất tro xỉ từ Silo ra cảng đầu từ đầu Q2/2022
- Hoàn thành nâng cấp cảng đầu Vinh Tân 2 và đưa vào sử dụng để xuất tro xỉ với khối lượng lớn hơn trong Q2/2022.
- Đơn đốc đưa vào vận hành chính thức các dây chuyền của nhà máy sản xuất vật liệu xây không nung trong năm 2022.
- Phối hợp Chủ đầu tư cảng trong việc sử dụng tro xỉ của CTNĐ Vinh Tân để san lấp mặt bằng Dự án Khu bến cảng Cà Ná giai đoạn 1 - Cảng biển tổng hợp Cà Ná (tổng khối lượng khoảng 1,53 triệu tấn).

ĐỐI VỚI NMNĐ MÔNG DƯƠNG 1



- Hoàn thành và đưa vào khai thác bến chuyên dùng xuất tro, xỉ nhằm nâng cao khối lượng tiêu thụ trong Q1/2022.
- Triển khai vận chuyển 1 triệu tấn tro xỉ đang lưu trữ trên bãi xỉ đi san lấp nhằm tạo khả năng dự phòng của bãi xỉ.
- Nghiên cứu, triển khai phương cải tiến, nâng cấp hệ thống lọc bụi tĩnh điện.

ĐỐI VỚI NMNĐ NINH BÌNH



- Tiếp tục triển khai thử nghiệm giải pháp đốt than trộn cho NMNĐ Ninh Bình nhằm giảm thiểu nồng độ khí thải SOx, đảm bảo đáp ứng quy chuẩn môi trường đối với khí thải trong tương lai.



XÃ HỘI

Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP là nhà sản xuất điện năng lớn, sở hữu các nhà máy điện khắp mọi miền tổ quốc. Ở mỗi địa phương mà có sự xuất hiện các nhà máy của Tổng Công ty, chúng tôi dành sự quan tâm, mong muốn hợp tác kết nối lâu dài với cộng đồng địa phương. Xã hội EVNGENCO3 tin rằng sự phát triển của địa phương sẽ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi phát triển thuận lợi và bền vững hơn nữa.

Quan điểm của chúng tôi khi làm việc với các cấp lãnh đạo và người dân dựa trên sự tôn trọng, minh bạch, thân thiện cụ thể:

- Tôn trọng con người, quy định, văn hóa của từng địa phương.
- Giao tiếp cởi mở, trung thực, minh bạch và chia sẻ thông tin kịp thời.
- Xây dựng mối quan hệ bền chặt lâu dài.
- Tạo điều kiện hỗ trợ người dân trong khu vực tham gia làm việc tại các nhà máy.
- Các quy trình làm việc, đầu tư tại địa phương có sự tham vấn, cấp phép của lãnh đạo địa phương.
- Cùng đồng hành trong các chương trình giải quyết những vấn đề khó khăn của địa phương.
- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không ảnh hưởng đến môi trường, đời sống của khu dân cư xung quanh.

EVNGENCO3

NHỮNG HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI NỔI BẬT CỦA CHÚNG TÔI NĂM 2021

Trong hoạt động ASXH năm 2021, ngoài các hoạt động thường xuyên thăm hỏi tặng quà cho người nghèo, gia đình chính sách, hỗ trợ các chương trình của địa phương, Tổng Công ty tập trung hướng đến chung tay phòng chống COVID-19. Tổng Công ty đã thực hiện một loạt các chương trình:

Trao tặng nhu yếu phẩm, vật dụng y tế, hỗ trợ tuyển đầu chống dịch, cơ sở y tế, Ban chỉ đạo, đội xung kích phòng chống dịch.

- Ủng hộ quỹ vaccine.
- Hiến máu nhân đạo; mua BHYT cho người nghèo trong TP Thủ Đức.
- Hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh.



Phối hợp và đồng hành với Ban Thường vụ Thành đoàn Thành phố Thủ Đức và Đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ra mắt Chương trình Cấp đổi bình Oxy miễn phí tại nhà trên địa bàn thành phố - ATM Oxy Thủ Đức.

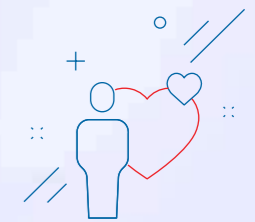


Hỗ trợ chương trình lắp đặt và bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống oxy dòng cao, khí nén và hệ thống hút chân không cho 378 giường của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới TP.HCM, 504 giường của Bệnh viện hồi sức COVID-19 và 120 giường của Bệnh viện Hùng Vương. Tổng chi phí đóng góp cho 3 công trình là hơn 5 tỷ đồng.



Tham gia cùng Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nhiệt đới TP.HCM, Công viên phần mềm Quang Trung và Hội tin học TP.HCM tổ chức triển khai ứng dụng di động "Truy tìm - không thất lạc người thân" danh sách người dân mất vì đại dịch Covid-19.

Tổng kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ, đóng góp phòng chống dịch trước làn sóng Covid-19 lần 4 gần 31,1 tỷ đồng.



THÀNH TỰU ĐÁNG TỰU HẢO

- 104 Thông tin về doanh nghiệp
- 106 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 108 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 110 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 111 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 113 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

PCGV



QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Số 3025/QĐ-BCT do Bộ Công thương cấp ngày 1 tháng 6 năm 2012.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Đinh Quốc Lâm	Chủ tịch
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Khoa	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Ông Phạm Hùng Minh	Trưởng ban
Ông Đâu Đức Chiến	Thành viên
Bà Vũ Hải Ngọc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2021)
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Lê Văn Danh	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala,
Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Nhóm Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Nhóm Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 54. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3 – CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phát Điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021, và được Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 54.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như được trình bày tại Thuyết minh 35 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan thẩm quyền có liên quan chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Theo đó, các ảnh hưởng tài chính (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa. Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



Mai Viết Hùng Trân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM10567
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Triệu Nguyên Duy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3022-2019-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.823.828.629.511	21.173.423.823.124
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.393.109.084.650	2.607.079.192.090
111	Tiền		455.109.084.650	455.579.192.090
112	Các khoản tương đương tiền		1.938.000.000.000	2.151.500.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.112.650.000.000	4.308.650.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	4.112.650.000.000	4.308.650.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.144.287.998.333	9.838.510.562.208
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.628.333.046.050	9.372.089.994.713
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		194.724.871.555	147.093.288.771
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	321.230.080.728	319.327.278.724
140	Hàng tồn kho	7	3.065.857.280.370	4.319.762.392.102
141	Hàng tồn kho		3.068.493.224.605	4.321.981.440.203
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.635.944.235)	(2.219.048.101)
150	Tài sản ngắn hạn khác		107.924.266.158	99.421.676.724
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	41.553.026.092	17.222.013.010
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(b)	36.090.153.662	78.484.317.328
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(b)	30.281.086.404	3.715.346.386
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		49.133.370.089.140	51.726.544.582.661
210	Khoản phải thu dài hạn		3.324.424.000	3.324.424.000
216	Phải thu dài hạn khác		3.324.424.000	3.324.424.000
220	Tài sản cố định		44.484.432.498.953	48.198.699.900.076
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	43.892.248.185.798	48.093.835.822.945
222	Nguyên giá		113.897.334.917.646	113.603.102.173.261
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(70.005.086.731.848)	(65.509.266.350.316)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	592.184.313.155	104.864.077.131
228	Nguyên giá		640.634.704.693	141.518.726.318
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(48.450.391.538)	(36.654.649.187)
240	Tài sản dở dang dài hạn		395.448.757.956	117.776.262.642
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	395.448.757.956	117.776.262.642
250	Đầu tư tài chính dài hạn		2.417.344.495.857	2.245.774.490.666
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	1.696.435.122.469	1.537.704.041.091
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	536.909.373.388	522.294.589.388
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	-	(6.224.139.813)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	184.000.000.000	192.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.832.819.912.374	1.160.969.505.277
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	256.320.914.148	234.115.195.793
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	11	1.576.498.998.226	926.854.309.484
270	TỔNG TÀI SẢN		67.957.198.718.651	72.899.968.405.785

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		50.548.049.490.150	57.935.983.253.532
310	Nợ ngắn hạn		10.457.422.068.212	11.740.234.481.392
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.737.264.605.887	4.833.059.157.734
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.617.000.000	10.314.848.007
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(a)	467.211.784.792	278.564.447.583
314	Phải trả người lao động	14	487.629.069.916	430.365.639.148
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	38.195.638.243	210.297.337.763
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	16.010.207.364	16.010.207.364
319	Phải trả ngắn hạn khác	17	575.332.163.878	867.479.076.863
320	Vay ngắn hạn	18(a)	4.898.437.444.941	4.942.506.709.596
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		235.724.153.191	151.637.057.334
330	Nợ dài hạn		40.090.627.421.938	46.195.748.772.140
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	333.480.722.006	348.638.936.642
337	Phải trả dài hạn khác		4.100.000	-
338	Vay dài hạn	18(b)	39.757.142.599.932	45.847.109.835.498
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.409.149.228.501	14.963.985.152.253
410	Vốn chủ sở hữu		17.409.149.228.501	14.963.985.152.253
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	11.234.680.460.000	10.699.695.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.234.680.460.000	10.699.695.770.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	20	6.014.917.945	6.014.917.945
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	47.147.215.051	46.494.391.137
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	696.713.720.759	184.357.112.169
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20	15.890.285.682	15.890.285.682
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	5.027.205.061.567	3.641.098.585.198
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.886.156.239.291	1.855.041.684.034
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		3.141.048.822.276	1.786.056.901.164
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20	381.497.567.497	370.434.090.122
440	TỔNG NGUỒN VỐN		67.957.198.718.651	72.899.968.405.785



Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập



Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

KT Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 01 - DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.757.423.718.797	40.367.208.022.992
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(33.470.586.793.821)	(35.606.980.127.514)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.286.836.924.976	4.760.227.895.478
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.260.808.123.657	330.430.696.355
22	Chi phí tài chính	(1.217.742.963.056)	(2.279.412.014.372)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.221.622.521.691)	(1.872.083.873.918)
24	Phần lãi trong công ty liên kết	207.095.071.378	85.215.433.202
25	Chi phí bán hàng	(224.928.362)	(223.359.461)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(615.369.329.470)	(602.515.759.284)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.921.402.899.123	2.293.722.891.918
31	Thu nhập khác	29.528.270.392	37.531.284.290
32	Chi phí khác	(38.774.044.478)	(38.915.803.643)
40	Lỗ khác	(9.245.774.086)	(1.384.519.353)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.912.157.125.037	2.292.338.372.565
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(733.238.642.817)	(477.073.608.005)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.178.918.482.220	1.815.264.764.560
Phân bổ cho:			
61	Tổng Công ty	3.141.048.822.276	1.786.056.901.164
62	Cổ đông không kiểm soát	37.869.659.944	29.207.863.396
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.796	1.438
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.796	1.438

KT Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.912.157.125.037	2.292.338.372.565
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	4.503.213.059.711	4.656.877.835.457
03	(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	(5.807.243.679)	6.292.119.843
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(907.924.555.568)	379.061.941.663
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(474.749.621.605)	(380.081.814.900)
06	Chi phí lãi vay	1.221.622.521.691	1.872.083.873.918
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8.248.511.285.587	8.826.572.328.546
09	Tăng các khoản phải thu	(6.058.888.818.271)	(6.384.608.519.984)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	1.254.271.314.829	(1.325.978.088.066)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(1.110.952.749.278)	702.353.578.513
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(46.536.731.437)	153.100.934.373
14	Tiền lãi vay đã trả	(361.521.168.900)	(536.159.005.161)
15	Thuế TNDN đã nộp	(537.478.331.324)	(272.812.215.086)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	154.719.600	1.801.030.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(91.499.404.535)	(59.170.004.101)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.296.060.116.271	1.105.100.039.034
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(1.067.617.673.672)	(366.084.898.871)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.821.196	110.827.082
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(812.000.000.000)	(2.356.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.016.000.000.000	2.116.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(91.661.010.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	214.484.830.927	412.307.453.346
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(740.792.031.549)	(193.666.618.443)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	206.172.417.592	642.480.630.483
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(949.149.015.167)	(1.828.633.224.974)
36	Tiền chi trả cổ tức	(26.260.518.179)	(19.418.307.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(769.237.115.754)	(1.205.570.901.791)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(213.969.031.032)	(294.137.481.200)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	2.607.079.192.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(1.076.408)	(579.545)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.393.109.084.650

KT Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công thương quyết định cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất, lần thứ 9, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết và giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 14 tháng 3 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là PGV theo Quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Quyết định số 34/QĐ-SGDHN ngày 19 tháng 1 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Tổng Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24 tháng 1 năm 2022.

Theo đó, theo Quyết định số 731/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Tổng Công ty được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 với mã giao dịch cổ phiếu là PGV. Ngày chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10 tháng 2 năm 2022.

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện. Ngoài ra, Nhóm Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số Số 60 – 66, Đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 8 chi nhánh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 8 chi nhánh), cụ thể như sau:

- Công ty Thủy điện Buôn Kuốp tại Số 22, Đường Mai Xuân Thưởng, Phường Thành Nhất, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Mông Dương tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Thôn Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 tại Số 332, Đường Độc Lập (Quốc lộ 51), Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam;
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân tại Đại lộ Hùng Vương, Khu phố 5, Phường Phú Thủy, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam;

- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 1 tại Khu 8, Phường Mông Dương, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam; và
- Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình tại Xã Mỹ Lộc, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 2 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2 công ty con) được trình bày như sau:

Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	31.12.2021		31.12.2020		
	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (i)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	79,56	79,56	79,56	79,56
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (ii)	Tỉnh Ninh Bình	54,76	54,76	54,76	54,76

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa có trụ sở chính tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh điện năng.

(ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0903000161 ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp. Công ty Cổ phần có trụ sở chính tại Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 3 công ty liên kết (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3 công ty liên kết) được trình bày ở Thuyết minh số 4(b), và có 2.730 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.778 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Nhóm Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu, và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua vào (bảng chuyển khoản) của chính ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Nhóm Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Nhóm Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Nhóm Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Nhóm Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Nhóm Công ty. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Nhóm Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Nhóm Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Nhóm Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Nhóm Công ty với các liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền, bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho khi có bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp, và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền chuyển giao công nghệ	10 năm
TSCĐ vô hình khác	3 - 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất và quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuận do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa và dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Nhóm Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lũy kế sau thuế TNDN của Nhóm Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Nhóm Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và chia cổ tức như sau:

- LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và điều lệ của Nhóm Công ty.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN sau khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Cổ tức của Nhóm Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Nhóm Công ty thì Nhóm Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên số dư gốc và lãi suất tương ứng.

(d) Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được xác lập quyền nhận cổ tức được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.22 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

2.23 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

2.25 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Nhóm Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.28 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền mặt	3.657.700.509	2.364.633.065
Tiền gửi ngân hàng	451.451.384.141	453.214.559.025
Các khoản tương đương tiền (*)	1.938.000.000.000	2.151.500.000.000
	2.393.109.084.650	2.607.079.192.090

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất là 0,2%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tuần và từ 3,0%/năm đến 3,3%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 3,0%/năm đến 3,5%/năm đối với tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.104.650.000.000	4.104.650.000.000	4.300.650.000.000	4.300.650.000.000
- Trái phiếu dài hạn đến hạn thanh toán (**)	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	4.112.650.000.000	4.112.650.000.000	4.308.650.000.000	4.308.650.000.000
ii. Dài hạn				
- Trái phiếu (**)	184.000.000.000	184.000.000.000	192.000.000.000	192.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 3,7%/năm đến 7,1%/năm).

(**) Khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Hợp đồng số 01/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 24 tháng 4 năm 2020 và 02/2020/VCSH-HĐMBTP ngày 25 tháng 6 năm 2020 với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh. Khoản trái phiếu có thời gian đáo hạn 84 tháng từ ngày phát hành với mức lãi suất áp dụng cho 4 năm đầu tiên của mỗi đợt phát hành là 10,5%/năm, các năm tiếp theo sẽ được áp dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng thêm 3,6%/năm. Khoản trái phiếu này được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn với tổng giá trị dựa theo Chứng thư thẩm định giá số 497/2019/CT-CIVS-BĐ do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Trung - Chi nhánh Bình Định phát hành ngày 7 tháng 8 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 806,2 tỷ đồng đã được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2021/13553572/HĐTD ngày 8 tháng 6 năm 2021 của Tổng Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31.12.2021				31.12.2020			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (i)	30,55	1.225.192.777.704	2.071.653.506.300	-	30,55	1.017.393.461.454	1.184.718.622.400	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (ii)	30,00	309.653.880.130	573.405.000.000	-	30,00	308.047.978.336	478.155.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00	161.588.464.635	(*)	-	30,00	212.262.601.301	(*)	-
		1.696.435.122.469				1.537.704.041.091		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)	1,80	114.770.927.800	180.336.845.187	-	1,80	114.770.927.800	113.383.169.497	(1.387.758.303)
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (v)	1,60	108.730.000.000	187.866.666.667	-	1,60	108.730.000.000	184.766.666.667	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn (vi)	19,89	83.750.000.000	264.213.697.800	-	19,89	83.750.000.000	193.563.145.500	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (vii)	2,47	83.094.784.000	187.306.496.000	-	2,47	68.480.000.000	175.199.232.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP (viii)	15,00	74.463.661.588	(*)	-	15,00	74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ (ix)	6,43	50.000.000.000	(*)	-	6,43	50.000.000.000	(*)	(4.836.381.510)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (x)	0,48	19.600.000.000	(*)	-	0,63	19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (xi)	1,10	2.500.000.000	(*)	-	1,10	2.500.000.000	(*)	-
		536.909.373.388				522.294.589.388		(6.224.139.813)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu mà Nhóm Công ty nắm giữ và giá đóng cửa trên thị trường chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính.

- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của EVN. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng. Trong năm 2021, Nhóm Công ty đã mua thêm 9.166.101 cổ phiếu, tương đương 91.661.010.000 Đồng và tỷ lệ sở hữu vẫn không thay đổi so với thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo Công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900308540 ngày 1 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 700434869 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh là sản xuất và kinh doanh điện.
- (v) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vi) Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 20 tháng 5 năm 2009. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn là sản xuất và kinh doanh điện.
- (vii) Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (viii) Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502208825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 10 năm 2012. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP là sửa chữa máy móc thiết bị.
- (ix) Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000455251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17 tháng 1 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (x) Công ty Cổ phần Điện Việt Lào được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101389382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 7 năm 2003. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện Việt Lào là sản xuất và kinh doanh điện năng. Trong năm 2021, theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Công ty Cổ phần Điện Việt Lào tăng vốn điều lệ từ 3.126.534.050.000 Đồng lên 4.065.732.920.909 Đồng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty giảm từ 0,63% xuống 0,48% do Tổng Công ty không đăng ký mua thêm cổ phần phát hành mới.
- (xi) Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800383471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 17 tháng 7 năm 2007. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc là sửa chữa, bảo dưỡng, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị nhà máy điện và các thiết bị công nghiệp khác tương đương.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	1.537.704.041.091	1.465.388.607.889
Tăng trong năm (Thuyết minh 31(a))	91.661.010.000	-
Phần lãi trong công ty liên kết	207.095.071.378	85.215.433.202
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	212.039.399.169	136.736.370.848
Ghi nhận tác động từ trích quỹ từ lợi nhuận	(4.944.327.791)	(51.520.937.646)
Cổ tức đã chia	(140.025.000.000)	(12.900.000.000)
Số dư cuối năm	1.696.435.122.469	1.537.704.041.091

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba	11.533.566.603	10.045.871.377
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	8.616.799.479.447	9.362.044.123.336
	8.628.333.046.050	9.372.089.994.713

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải thu về chi hộ và phải thu khác từ bên liên quan	157.410.685.332	153.219.998.605
Phải thu cổ tức được chia	83.700.000.000	17.500.000.000
Lãi phải thu tiền gửi có kỳ hạn	30.553.551.236	43.213.253.132
Lãi phải thu trái phiếu	1.844.266.667	2.216.666.667
Khác	47.721.577.493	103.177.360.320
	321.230.080.728	319.327.278.724
Trong đó:		
Bên thứ ba	77.754.509.169	143.018.455.520
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	243.475.571.559	176.308.823.204
	321.230.080.728	319.327.278.724

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2021		31.12.2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	2.884.214.014.253	(2.635.944.235)	3.533.735.544.563	(2.219.048.101)
Công cụ, dụng cụ	167.443.353.901	-	133.864.535.415	-
Hàng mua đang đi trên đường	7.571.588.689	-	636.074.396.134	-
Chi phí SXKD dở dang	8.933.486.416	-	17.892.851.332	-
Thành phẩm tồn kho	330.781.346	-	414.112.759	-
	3.068.493.224.605	(2.635.944.235)	4.321.981.440.203	(2.219.048.101)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.219.048.101	2.151.068.071
Tăng dự phòng	955.223.048	67.980.030
Xử lý hủy bỏ hàng tồn kho đã trích lập	(538.326.914)	-
Số dư cuối năm	2.635.944.235	2.219.048.101

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí bảo hiểm	38.539.763.163	15.100.723.531
Khác	3.013.262.929	2.121.289.479
	41.553.026.092	17.222.013.010

(b) Dài hạn

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí liên quan đến đất thuê (*)	203.065.469.168	167.556.843.730
Khác	53.255.444.980	66.558.352.063
	256.320.914.148	234.115.195.793

(*) Chi phí liên quan đến đất thuê bao gồm chi phí dọn dẹp mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê đất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	20.625.819.039.152	85.967.284.777.782	6.739.016.997.084	241.056.178.534	29.925.180.709	113.603.102.173.261
Mua trong năm	24.394.818.194	139.559.614.417	7.582.849.753	18.147.859.496	-	189.685.141.860
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	1.695.371.747	94.124.724.453	-	4.122.090.000	9.086.126.075	109.028.312.275
Thanh lý, nhượng bán	-	(818.308.707)	(2.599.122.811)	(279.966.141)	-	(3.697.397.659)
Xoá số	(383.139.091)	-	(400.173.000)	-	-	(783.312.091)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	20.651.526.090.002	86.200.150.807.945	6.743.600.551.026	263.046.161.889	39.011.306.784	113.897.334.917.646
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	7.727.922.808.194	54.020.124.142.129	3.590.293.530.889	162.057.635.032	8.868.234.072	65.509.266.350.316
Khấu hao trong năm	718.766.951.540	3.432.416.720.750	313.240.256.592	31.639.868.280	4.237.294.120	4.500.301.091.282
Thanh lý, nhượng bán	-	(818.308.707)	(2.599.122.811)	(279.966.141)	-	(3.697.397.659)
Xoá số	(383.139.091)	-	(400.173.000)	-	-	(783.312.091)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	8.446.306.620.643	57.451.722.554.172	3.900.534.491.670	193.417.537.171	13.105.528.192	70.005.086.731.848
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	12.897.896.230.958	31.947.160.635.653	3.148.723.466.195	78.998.543.502	21.056.946.637	48.093.835.822.945
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.205.219.469.359	28.748.428.253.773	2.843.066.059.356	69.628.624.718	25.905.778.592	43.892.248.185.798

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty với tổng giá trị còn lại là 19,770 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 21,654 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 18).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 36,310 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 36,063 tỷ đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	79.980.212.282	38.216.357.067	8.854.276.148	14.467.880.821	141.518.726.318
Mua trong năm	2.874.010.917	6.358.497.458	406.000.000	3.277.970.000	12.916.478.375
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10)	486.199.500.000	-	-	-	486.199.500.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	569.053.723.199	44.574.854.525	9.260.276.148	17.745.850.821	640.634.704.693
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	14.818.209.867	12.650.221.904	6.394.079.039	2.792.138.377	36.654.649.187
Khấu hao trong năm	1.328.257.643	7.222.501.608	1.715.899.996	1.529.083.104	11.795.742.351
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	16.146.467.510	19.872.723.512	8.109.979.035	4.321.221.481	48.450.391.538
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	65.162.002.415	25.566.135.163	2.460.197.109	11.675.742.444	104.864.077.131
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	552.907.255.689	24.702.131.013	1.150.297.113	13.424.629.340	592.184.313.155

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Nhóm Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 10,1 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 8,3 tỷ đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Mua sắm TSCĐ chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng	362.527.268.872	96.020.064.204
Khác	32.921.489.084	21.756.198.438
	395.448.757.956	117.776.262.642

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	117.776.262.642	143.564.801.613
Mua sắm	872.900.307.589	392.201.651.510
Chuyển sang TSCĐ hữu hình		
(Thuyết minh 9(a))	(109.028.312.275)	(351.707.952.010)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 9(b))	(486.199.500.000)	(4.646.972.610)
Khác	-	(61.635.265.861)
Số dư cuối năm	395.448.757.956	117.776.262.642

11 THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị thuần của thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản và có thời gian dự trữ hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.400.569.433.439	2.239.680.268.404
General Electric	458.886.739.376	881.015.236.722
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	413.553.873.402	572.093.626.678
Khác	1.456.546.304.199	1.123.585.075.465
	3.729.556.350.416	4.816.374.207.269
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	7.708.255.471	16.684.950.465
	3.737.264.605.887	4.833.059.157.734

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a) Phải nộp						
Thuế GTGT	73.530.053.802	4.248.639.831.341	(1.151.908.701.059)	(3.120.739.047.231)	21.118.336.756	70.640.473.609
Thuế tài nguyên	53.011.659.157	380.825.359.452	(392.884.055.741)	-	-	40.952.962.868
Thuế TNDN	97.627.987.596	733.238.642.817	(537.478.331.324)	-	1.551.778.942	294.940.078.031
Phí dịch vụ môi trường rừng	41.680.097.640	94.796.432.214	(94.645.219.414)	-	-	41.831.310.440
Thuế thu nhập cá nhân	7.007.545.310	61.371.566.373	(56.030.882.003)	-	(158.644.735)	12.189.584.945
Các loại thuế khác	5.707.104.078	226.488.073.393	(229.592.071.627)	-	4.054.269.055	6.657.374.899
	278.564.447.583	5.745.359.905.590	(2.462.539.261.168)	(3.120.739.047.231)	26.565.740.018	467.211.784.792
(b) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	78.484.317.328	3.078.344.883.565	-	(3.120.739.047.231)	-	36.090.153.662
Thuế GTGT nộp thừa	9.552.824	-	-	-	21.118.336.756	21.127.889.580
Các loại thuế khác	3.705.793.562	-	-	-	5.447.403.262	9.153.196.824
	82.199.663.714	3.078.344.883.565	-	(3.120.739.047.231)	26.565.740.018	66.371.240.066



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư thể hiện các khoản phải trả người lao động theo chính sách lương của Nhóm Công ty.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lãi vay	16.903.947.245	23.218.009.658
Mua nguyên vật liệu	-	169.791.359.389
Khác	21.291.690.998	17.287.968.716
	38.195.638.243	210.297.337.763

16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là khoản doanh thu cho thuê tài sản nhận trước từ Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân 1.

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Phải trả cho EVN (*)	346.768.343.073	514.333.994.661
Thuế GTGT tạm tính	133.688.560.354	267.879.755.704
Phải trả từ bán cổ phần	39.969.577.665	25.354.793.665
Khác	54.905.682.786	59.910.532.833
	575.332.163.878	867.479.076.863
Trong đó:		
Bên thứ ba	223.361.721.332	347.942.982.729
Bên liên quan (Thuyết minh 31(b))	351.970.442.546	519.536.094.134
	575.332.163.878	867.479.076.863

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải trả cho EVN chủ yếu bao gồm lãi vay, phí vay lại và thuế nhà thầu đã nhận được thông báo hạch toán từ EVN.

18 VAY

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngắn hạn	-	139.803.000.000	(139.803.000.000)	-	-	-
Vay ngắn hạn dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (*)	371.099.501.104	-	(371.099.501.104)	369.491.279.424	-	369.491.279.424
Vay bên liên quan dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 31(b)(**))	4.571.407.208.492	-	(4.572.369.289.036)	4.635.529.909.584	(105.621.663.523)	4.528.946.165.517
	4.942.506.709.596	139.803.000.000	(5.083.271.790.140)	5.005.021.189.008	(105.621.663.523)	4.898.437.444.941

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Đánh giá lại gốc ngoại tệ cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Vay ngắn hạn (*)	2.420.365.952.195	66.369.417.592	(382.320.896.917)	(369.491.279.424)	-	1.734.923.193.446
Vay bên liên quan (Thuyết minh 31(b)(**))	43.426.743.883.303	-	-	(4.635.529.909.584)	(768.994.567.233)	38.022.219.406.486
	45.847.109.835.498	66.369.417.592	(382.320.896.917)	(5.005.021.189.008)	(768.994.567.233)	39.757.142.599.932



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

18 VAY (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Dự án	Loại tiền	Năm đáo hạn	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1						
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	55.976.880.538	71.852.757.214	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	470.000.000.000	846.000.000.000	Xác định theo thông báo của ngân hàng	(i)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	842.608.297.440	1.067.303.843.424	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	130.000.000.000	170.000.000.000	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	-	7.929.118.612	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,2%/năm	(i)
Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Vĩnh Tân						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Thành	VND	2026	193.235.908.648	238.724.882.596	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,8%/năm	(i)
Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2031	412.593.386.244	389.654.851.453	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 2,7%/năm	(ii)
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))			2.104.414.472.870 (369.491.279.424)	2.791.465.453.299 (371.099.501.104)		
			1.734.923.193.446	2.420.365.952.195		

(i) Tất cả những khoản vay nêu trên đều được đảm bảo thanh toán bởi EVN.

(ii) Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 (Thuyết minh 9(a)) và Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2 ký giữa Nhóm Công ty và EVN.

18 VAY (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi suất áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn nêu trên là từ 7,6%/năm đến 9,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 7,7%/năm đến 9,8%/năm).

(**) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN như sau:

Dự án	Loại tiền	Năm đáo hạn	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay lại từ bên liên quan (Thuyết minh 31(b))						
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1						
Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB")	USD	2032	383.673.646.210	408.855.249.399	LIBOR 6 tháng + 1%/năm	(iii)
ADB	USD	2034	17.227.531.267.362	18.084.035.458.704	LIBOR 6 tháng + 0,65%/năm	(iii)
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc ("KEXIM")	USD	2028	6.071.605.004.087	7.095.867.406.503	LIBOR 12 tháng + 4,05%/năm	(iii)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2						
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc ("China Eximbank")	USD	2027	4.125.459.684.448	4.874.984.191.273	3,45%/năm	(iv)
China Eximbank	CNY	2027	1.205.306.231.805	1.406.265.195.714	3,4%/năm	(iv)
China Eximbank	USD	2028	10.167.779.239.327	11.769.882.556.197	LIBOR 6 tháng + 2,65%/năm	(iv)
Dự án Nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp						
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản ("JBIC")	JPY	2026	53.555.196.233	71.974.642.230	2,75%/năm	(iv)
JBIC	JPY	2028	44.139.098.681	57.038.490.260	2,55%/năm	(iv)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

18 VAY (tiếp theo)

(ii) Chi tiết số dư của các khoản vay lại từ EVN (tiếp theo) như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND	Lãi suất	Tài sản thế chấp
Vay lại từ bên liên quan (Thuyết minh 31(b)) (tiếp theo)						
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ 1						
JBIC	JPY	2028	2.969.847.989.121	3.837.768.581.709	Từ 1,15%/năm đến 2,7%/năm	(iv)
Dự án duỗi hơi 306-2 Nhà máy Điện Bà Rịa						
Ngân hàng Phát triển Bà Rịa - Vũng Tàu	KRW	2027	302.268.214.729	391.479.319.806	2,4%/năm	(iv)
Vay dài hạn đáo hạn trong vòng một năm (Thuyết minh 18(a))						
			42.551.165.572.003 (4.528.946.165.517)	47.998.151.091.795 (4.571.407.208.492)		
			38.022.219.406.486	43.426.743.883.303		

(iii) Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị công trình xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Móng Dương 1 (Thuyết minh 9(a)).

(iv) Các khoản vay nêu trên không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lãi suất áp dụng cho các khoản vay lại từ EVN bằng đồng USD áp dụng lãi suất thả nổi là từ 0,89%/năm đến 4,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 1,31%/năm đến 4,6%/năm).

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.12.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành (*)	1.123.468.046	-	1.069.969.577	-

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã phát hành thêm 53.498.469 cổ phiếu (Thuyết minh 20).

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2021		31.12.2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
EVN	1.114.422.994	99,19	1.061.355.233	99,19
Khác	9.045.052	0,81	8.614.344	0,81
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.123.468.046	100,00	1.069.969.577	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh 20)	53.498.469	534.984.690.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.123.468.046	11.234.680.460.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Tổng Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	10.699.695.770.000	6.014.917.945	45.439.387.466	141.871.395.148	15.868.253.443	1.916.442.908.642	367.009.242.241	13.192.341.874.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.786.056.901.164	29.207.863.396	1.815.264.764.560
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	43.540.720.692	-	(43.540.720.692)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.862.131.120)	(6.368.741.380)	(24.230.872.500)
Cổ tức chia cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	(19.418.307.300)	(19.418.307.300)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.055.003.671	(1.055.003.671)	-	-	-	-
Khác	-	-	-	-	22.032.239	1.627.204	4.033.165	27.692.608
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	10.699.695.770.000	6.014.917.945	46.494.391.137	184.357.112.169	15.890.285.682	3.641.098.585.198	370.434.090.122	14.963.985.152.253
Vốn tăng trong năm (**)	534.984.690.000	-	-	-	-	(534.984.690.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.141.048.822.276	37.869.659.944	3.178.918.482.220
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	514.017.158.580	-	(514.017.158.580)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	-	(170.955.708.827)	(4.476.071.965)	(175.431.780.792)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	-	(534.984.788.500)	(22.330.110.604)	(557.314.899.104)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	652.823.914	(1.660.549.990)	-	-	-	(1.007.726.076)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	11.234.680.460.000	6.014.917.945	47.147.215.051	696.713.720.759	15.890.285.682	5.027.205.061.567	381.497.567.497	17.409.149.228.501

(*) Thực hiện theo Nghị quyết số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty; Nghị quyết số 814/NQ-NĐBR ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa và Nghị quyết số 315/NQ-ĐCĐCĐ-NBTPC ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 61/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2020 của Tổng Công ty, Nghị quyết số 315/NQ-ĐHĐCĐ-NBTPC ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình và Nghị quyết số 398/NQ-NBTPC-HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc chi trả cổ tức năm 2020 và Nghị quyết số 814/NQ-NĐBR ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa về phương án phân chia lợi nhuận năm 2020, chi tiết như sau:

- Tổng Công ty chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 5%, tương ứng với tổng số tiền chi trả là 534.984.788.500 Đồng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông với số lượng cổ phần phát hành thêm là 53.498.469 cổ phần, thấp hơn dự kiến do có 9 cổ phiếu lẻ đã bị hủy bỏ, tương ứng với 534.984.690.000 Đồng từ nguồn LNST chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã tiến hành chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ chi là 15% vốn điều lệ; và
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ chi là 11% vốn điều lệ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

21 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2021	2020 (Trình bày lại (**))
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	3.141.048.822.276	1.786.056.901.164
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)(*)	(*)	(170.955.708.827)
	3.141.048.822.276	1.615.101.192.337
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.123.468.046	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.796	1.438

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định kế hoạch phân phối lợi nhuận. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
	Số liệu báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số liệu trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.786.056.901.164	-	1.786.056.901.164
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(170.955.708.827)	(170.955.708.827)
	1.786.056.901.164	(170.955.708.827)	1.615.101.192.337
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.069.969.577	53.498.469	1.123.468.046
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.669	(232)	1.438

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 3.072,8 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.596 Đô la Mỹ).

(b) Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải thanh toán trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 32(a).

23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần về bán điện	36.973.868.379.756	39.895.449.663.636
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh khác	783.555.339.041	471.758.359.356
	37.757.423.718.797	40.367.208.022.992

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn sản xuất điện	32.739.374.223.482	35.182.763.886.881
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	731.212.570.339	424.216.240.633
	33.470.586.793.821	35.606.980.127.514

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	194.166.870.904	262.139.625.737
Lợi nhuận từ trái phiếu	19.339.470.323	12.797.205.153
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.146.387.804	32.721.783.605
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	85.230.839.058	22.772.081.860
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	907.924.555.568	-
	1.260.808.123.657	330.430.696.355



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	1.221.622.521.691	1.872.083.873.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.344.581.178	22.042.058.978
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh 4(b))	(6.224.139.813)	6.224.139.813
Lỗ thuận do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	379.061.941.663
	1.217.742.963.056	2.279.412.014.372

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	321.828.640.704	267.975.500.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.462.393.200	88.737.876.742
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.826.489.065	41.719.503.249
Chi phí công cụ, dụng cụ	19.332.273.711	13.564.927.686
Chi phí khác	185.919.532.790	190.517.951.223
	615.369.329.470	602.515.759.284

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhóm Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.912.157.125.037	2.292.338.372.565
Thuế tính ở thuế suất 20%	782.431.425.007	458.467.674.513
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(52.248.291.836)	(23.587.443.361)
Chi phí không được khấu trừ	1.894.194.042	8.977.851.207
Lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.161.315.604	-
Thu nhập do điều chỉnh hồi tố	-	184.775.958.410
Thuế được giảm	-	(145.942.155.687)
Chi phí lãi vay được trừ của các năm trước	-	(5.745.536.424)
Dự phòng thiếu của năm trước	-	127.259.347
Chi phí thuế TNDN (*)	733.238.642.817	477.073.608.005
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành	733.238.642.817	477.073.608.005

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty nhưng không bao gồm giá mua hàng hóa liên quan đến hoạt động thương mại của Nhóm Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.354.051.792.589	28.026.417.037.304
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.477.723.940.240	4.638.169.141.181
Chi phí sửa chữa lớn	1.210.633.825.558	774.343.222.597
Chi phí nhân viên	1.125.009.132.447	987.988.246.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.306.059.951	597.710.168.395
Chi phí khác	1.220.456.300.868	1.185.091.430.126
	34.086.181.051.653	36.209.719.246.259

30 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT") HỢP NHẤT

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT hợp nhất như sau:

	2021 VND	2020 VND
Bù trừ gốc vay phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	4.470.065.572.771	4.528.347.031.195
Bù trừ lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả cho EVN và phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện	1.080.359.165.911	1.795.430.225.397
Bù trừ khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện với khoản phải trả cổ tức cho EVN	530.677.616.500	-
Bù trừ khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty Mua bán điện với khoản phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác từ EVN	231.385.659.974	125.593.958.918
Mua TSCĐ và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	337.975.952.594	331.877.172.226
Cổ tức được chia phải thu	83.700.000.000	17.500.000.000
Cổ tức đã thông báo nhưng chưa trả	7.582.728.659	7.205.964.234
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	534.984.690.000	-
Tặng/(giảm) đầu tư góp vốn không bằng tiền vào đơn vị khác	14.614.784.000	(14.614.784.000)
	7.291.346.170.409	6.791.339.567.970



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

31 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tổng Công ty là một công ty cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông được nêu trong Thuyết minh 19(b). Trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Công ty mẹ

EVN

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
Công ty Mua bán điện
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải
Công ty Điện lực Quảng Ninh – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn – Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 (“Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn”)
Công ty Truyền tải điện 2
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4”)
Công ty Nhiệt điện Thái Bình
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam (“Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam”)
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh – Chi nhánh Tổng Công ty Phát Điện 1 (“Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh”)
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng
Ban Quản lý dự án Thủy điện 5 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Công ty Nhiệt Điện Uông Bí
Công ty Điện lực Bình Thuận
Công ty Điện lực Đắc Nông
Công ty Điện lực Đắc Lắc
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh
Công ty Điện lực Thủ Thiêm
Công ty TNHH MTV Khách sạn Du lịch và Dịch vụ Thương mại Điện lực
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Trung
Công ty Truyền tải điện 1
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu được thực hiện với các bên liên quan như sau:

	2021 VND	2020 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán điện	36.970.872.194.934	39.895.315.312.816
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	79.609.825.318	-
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	612.692.676.766	297.764.455.928
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	-	87.213.943.169
Khác	1.657.416.898	15.941.622.350
	37.664.832.113.916	40.296.235.334.263
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
EVN	137.661.724.695	106.632.342.632
Công ty Điện lực Quảng Ninh	6.928.106.507	8.846.018.803
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	2.808.640.841	6.212.541.289
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	2.598.932.749	4.892.050.387
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.450.052.273	1.807.915.149
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	3.596.546.908	1.487.115.395
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	750.000.000	541.052.000
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	2.362.834.636	472.827.626
Khác	8.144.829.216	8.194.003.031
	166.301.667.825	139.085.866.312
iii) Hoạt động tài chính		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	14.243.840.000	17.804.800.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	21.750.000.000	13.500.000.000
Khác	158.177.547.804	14.316.983.605
	194.171.387.804	45.621.783.605
Bù trừ nợ gốc vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
EVN	4.470.065.572.771	4.528.347.031.195
Bù trừ lãi vay với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng		
EVN	1.080.359.165.911	1.795.430.225.397
Chi phí lãi vay		
EVN	1.013.673.019.580	1.540.691.524.513
Thanh toán gốc vay		
EVN	50.128.144.770	49.940.726.482
Thanh toán lãi vay		
EVN	8.237.073.736	9.429.402.229



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

31 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
iv) Hoạt động đầu tư		
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	91.661.010.000	-
v) Hoạt động khác		
Bù trừ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với khoản phải trả ngắn hạn khác và khoản phải trả người bán		
EVN	762.063.276.474	125.593.958.918
vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị (1 người)	945.264.000	544.500.000
Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc (1 người)	916.620.000	576.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách (1 người)	830.688.000	522.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (1 người)	166.140.000	100.050.000
Thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách (1 người)	166.140.000	100.050.000
Phó Tổng Giám đốc (1 người)	685.620.000	532.875.000
Phó Tổng Giám đốc (1 người)	900.248.000	532.875.000
Phó Tổng Giám đốc (1 người)	900.248.000	532.875.000
Phó Tổng Giám đốc (1 người)	830.688.000	532.875.000
Phó Tổng Giám đốc (1 người, từ tháng 4 năm 2021)	588.404.000	-
Kế toán trưởng (1 người)	773.400.000	404.294.000
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách (1 người)	859.332.000	540.000.000
Kiểm soát viên kiêm nhiệm (1 người)	166.140.000	104.000.000
Kiểm soát viên kiêm nhiệm (1 người)	166.140.000	104.000.000
	8.895.072.000	5.126.394.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Mua bán điện	7.636.241.034.912	8.817.357.846.739
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	902.526.554.588	469.595.450.049
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	12.615.620.139	55.839.091.635
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	36.708.328.507	-
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	1.157.785.145	1.665.447.145
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	186.328.082	527.162.364
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	466.364.000
Khác	27.363.828.074	16.592.761.404
	8.616.799.479.447	9.362.044.123.336
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	225.060.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	643.272.655
Khác	-	1.096.743.841
	-	1.965.076.496
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6)		
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	69.982.724.313	66.557.084.850
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Công nghệ EVN	67.966.368.944	67.966.368.944
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.844.266.667	2.216.666.667
EVN	15.256.171.287	15.256.171.287
Công ty Nhiệt điện Thái Bình	601.980.702	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	83.700.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	3.538.733.360
Khác	4.124.059.646	4.238.845.360
	243.475.571.559	176.308.823.204



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

31 THUYẾT MINH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
EVN	918.536.099	1.200.705.393
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	2.887.600.516	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	612.178.000	4.051.004.884
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	825.000.000	1.162.053.242
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	1.316.265.263	2.208.950.828
Khác	1.148.675.593	8.062.236.118
	7.708.255.471	16.684.950.465
v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải	-	10.149.848.007
vi) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
EVN	346.768.343.073	514.333.994.661
Khác	5.202.099.473	5.202.099.473
	351.970.442.546	519.536.094.134
vii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
EVN	4.528.946.165.517	4.571.407.208.492
viii) Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
EVN	38.022.219.406.486	43.426.743.883.303

32 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Dưới 1 năm	23.293.638.489	27.387.785.310
Từ 1 đến 5 năm	105.874.012.122	89.557.433.760
Trên 5 năm	768.430.550.325	553.717.735.510
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	897.598.200.936	670.662.954.580

(b) Cam kết vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt của Nhóm Công ty như sau:

	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Nhà máy điện và các công trình khác	514.455.000.000	769.844.000.000

33 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh mà Nhóm công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Nhóm Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là các lĩnh vực kinh doanh khác của Nhóm Công ty không có ảnh hưởng đáng kể theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

34 NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Nhóm Công ty phải lập dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục phát sinh khi hoàn trả mặt bằng và đất thuê theo quy định và chính sách áp dụng đối với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty. Theo đó, Nhóm Công ty có nghĩa vụ thu dọn, khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn thuê hoặc thời hạn kết thúc dự án. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng này do chưa đủ thông tin cần thiết để lập dự phòng hoàn nguyên môi trường đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

35 CỔ PHẦN HÓA

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công thương quyết định cổ phần hóa Tổng Công ty. Theo Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã hoàn thành việc lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2018, thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính, thực hiện quyết toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế. Ngày 11 tháng 11 năm 2021, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 (thành lập theo Quyết định số 110/QĐ-UBQLV ngày 9 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp) đã gửi báo cáo số 6932/BC-EVN về việc ra soát Hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3 đến Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp để nghị phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, số tiền còn phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp là 39.953.410.753 Đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Theo đó, các điều chỉnh tài chính có liên quan (nếu có) đến báo cáo tài chính hợp nhất sẽ được Tổng Công ty thực hiện khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền về quyết toán cổ phần hóa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN/HN

36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được Nhóm Công ty phân loại lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết ảnh hưởng như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích dẫn):

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	9.054.947.050.178	317.142.944.535	9.372.089.994.713
136	Phải thu ngắn hạn khác	636.470.223.259	(317.142.944.535)	319.327.278.724

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 30 tháng 3 năm 2022.

KT Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Trần Nguyễn Khánh Linh
Người lập

Vũ Phương Thảo
Kế toán trưởng